BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

338 593 - 9 TỜ SỐ 01 (TỜ SỐ 01 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

	1	2
	9	10

TỜ SỐ 1

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ MÓC RANH GIỚI NGOÀI DỰ ÁN THUỘC KHU 3
(HỆ TỌA ĐỘ VN-2000, KINH TUYẾN TRỤC 108°15')

Số hiệu mốc	Tọa độ VN-2000	
	X	Y
N1	1332826.271	599725.976
N2	1333196.816	599365.237
N3	1333716.506	599109.102
N4	1333663.897	598960.441
N5	1332992.261	599037.750
N6	1332528.399	599210.425
N7	1332497.948	599167.443
N8	1332874.934	599019.098
N9	1333663.661	598880.804
N10	1333526.046	598215.245
N11	1333173.722	598127.951
N12	1332398.186	598318.906
N13	1332412.168	598490.966
N14	1332350.676	598495.963
N15	1332372.734	598629.442
N16	1332283.629	598645.780
N17	1333732.100	598886.472
N18	1334061.229	598814.198
N19	1334037.041	598712.031
N20	1333712.336	598540.665
N21	1333648.509	598578.400

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

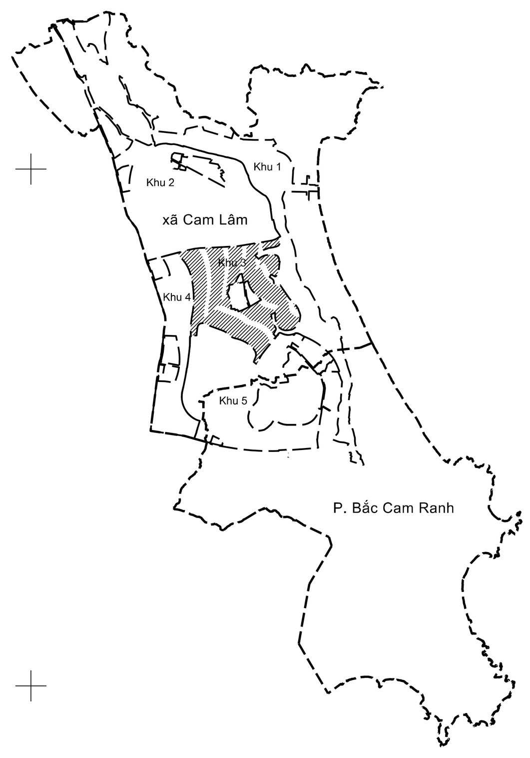

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 29

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	8	20	22	24	28
Diện tích	293,4	757,2	420,0	138,3	233,7
Loại đất	DTL	HNK	CLN	DTL	ODT+CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

338 596 - 7 TỜ SỐ 02 (TỜ SỐ 02 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

1	2	3
9	10	11

TỜ SỐ 2

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

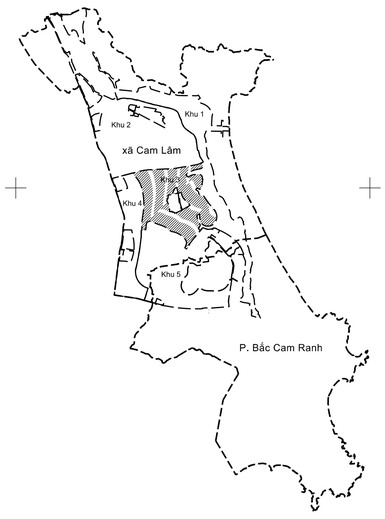

Ranh dự án

K3-02 22.680

K3-03 24.709

K3-04 30.260

K3-05 32.597

K3-06 31.971

K3-07 34.487

đường nhựa

đường đất

đường bê tông

HLAT lưới điện 110kV

ĐƯỜNG ĐAI HẠN NHƯA

Thôn Bãi Giếng 1

Thôn Bãi Giếng 1

Thôn Bãi Giếng 1

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 186

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	1	7	9	10	12	17	18	19	20	23	24	27	28	31	32	33	35	40	41	44	45	46	47	50	51	52	53	54	57	58	59	60	62	65	67	72	76	79	80	82	85	86	88	96	102	108	110	112	114	126	151
Diện tích	507,8	298,5	303,8	868,2	195,3	278,8	60,0	364,8	979,0	383,3	345,0	360,0	360,0	360,0	360,0	300,1	361,6	259,8	272,5	677,4	367,8	274,7	265,7	274,9	367,8	275,0	390,3	367,9	370,0	593,4	316,5	318,9	284,8	300,9	299,6	775,1	440,6	401,2	422,3	324,7	615,1	300,6	227,2	458,3	284,9	308,9	495,8	500,7	304,3	216,0	21,4
Loại đất	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +HNK	ODT	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +HNK	ODT +HNK	HNK	HNK	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	HNK	CLN	ODT +CLN	CLN	HNK	CLN	CLN	HNK	HNK	CLN	CLN	HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	HNK	HNK	CLN	HNK	HNK	CLN	ĐNL

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

338 596 - 8 TỜ SỐ 03 (TỜ SỐ 03 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

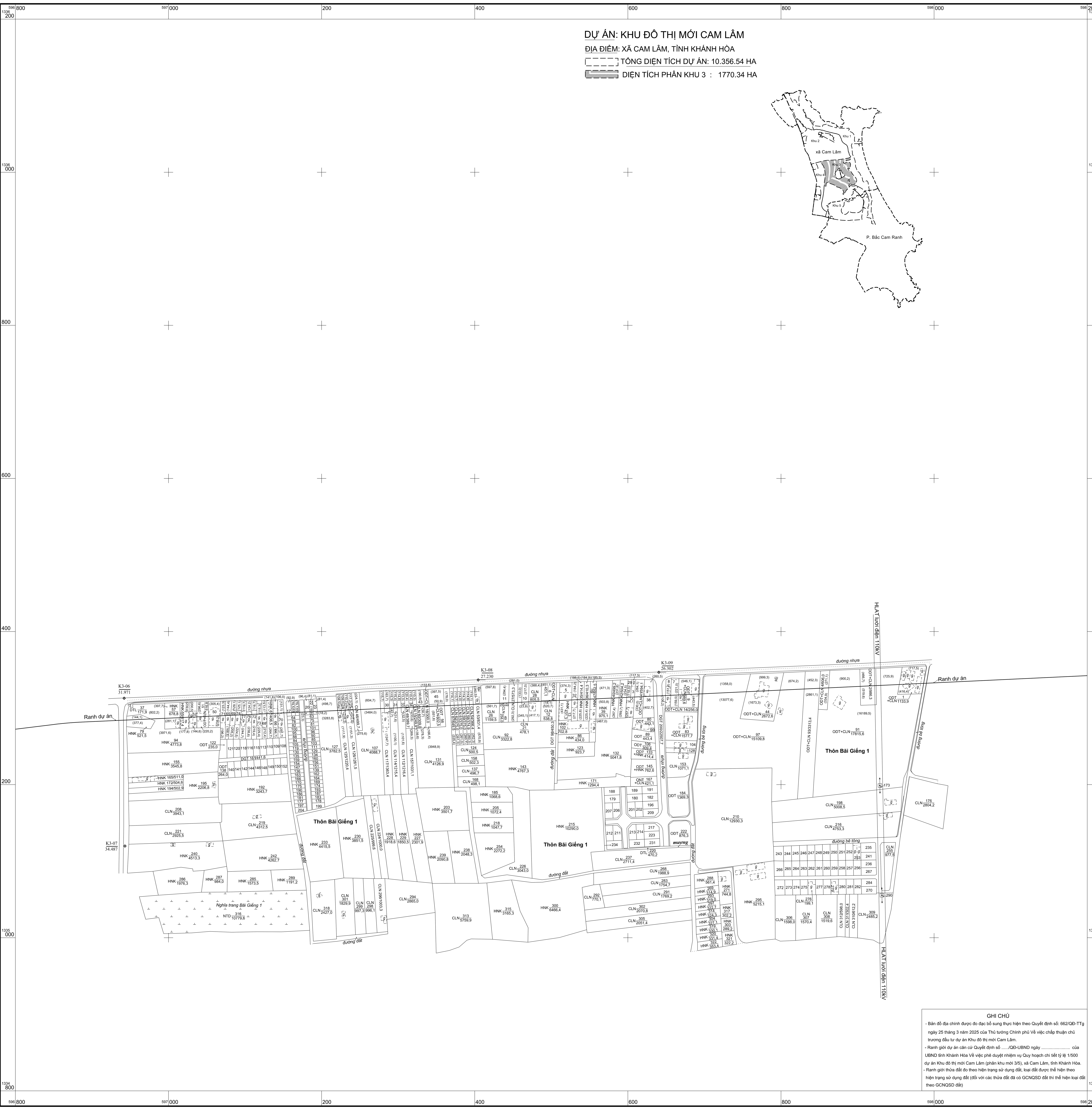

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 322

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	3	5	6	7	8	10	11	13	14	17	18	19	20	22	23	24	25	29	31	32	33	34	38	43	45	50	52	63	64	65	66	68	69	70	71
Diện tích	131,4	374,4	451,1	380,5	258,0	240,9	339,4	431,3	256,0	119,3	99,8	100,0	119,7	100,0	99,6	134,2	144,5	375,7	147,0	401,9	145,8	144,0	663,2	190,9	397,5	543,6	345,1	80,0	79,8	312,9	302,7	325,9	334,3	422,8	319,5
Loại đất	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	HNK	ODT	ODT	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK

Thửa số	72	73	74	75	76	77	78	81	82	84	85	88	90	95	96	99	100	101	103	104	105	108	109	110	111	113	115	116	118	119	120	121	128	129	130
Diện tích	336,1	344,7	349,6	79,8	362,8	364,4	80,0	79,8	80,4	81,9	80,1	81,5	79,1	81,1	79,8	27,7	80,8	80,2	79,4	402,7	82,3	181,7	182,1	183,4	79,7	185,1	187,5	192,6	200,2	82,7	207,8	206,9	234,7	79,7	83,2
Loại đất	HNK	HNK	HNK	ODT	HNK	HNK	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT

Thửa số	134	135	136	139	140	141	142	144	146	147	149	150	151	154	156	159	160	162	163	164	166	169	170	173	174	175	177	178	180	181	182	183	186	187	189
Diện tích	79,8	83,6	84,6	79,7	181,2	183,2	183,0	182,9	183,1	84,8	184,4	184,7	80,0	84,5	79,5	84,0	80,1	88,9	83,7	79,8	82,6	79,7	81,6	23,9	79,7	80,5	76,4	79,8	201,6	77,4	200,9	79,9	78,5	79,9	202,1
Loại đất	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	DNL	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT

Thửa số	190	191	193	196	197	199	201	202	204	206	209	211	212	213	214	217	223	231	232	236	241	245	246	247	248	249	250	251	252	253	256	257	258	259	260
Diện tích	79,5	200,7	79,8	202,4	75,3	119,1	189,0	199,4	92,7	190,0	190,2	206,0	191,3	187,5	200,0	187,5	200,0	200,0	200,0	197,3	199,5	209,3	202,2	205,2	207,1	210,9	215,3	215,7	220,2	223,6	199,0	199,7	197,4	200,2	199,5
Loại đất	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN

Thửa số	262	263	264	265	267	270	273	274	275	277	279	280	281	282	284	290	235	152	148	188	179	207	243	244	266	272	30	234	261
Diện tích	200,8	200,0	210,0	210,0	197,3	197,6	198,8	198,8	198,7	199,5	199,8	199,5	199,3	198,6	199,2	23,7	246,9	187,8	182,8	209,9	200,6	204,9	244,8	206,2	255,3	264,1	206,4	223,9	199,0
Loại đất	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	DNL	CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

338 596 - 9 TỜ SỐ 04 (TỜ SỐ 04 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

3	4	7
11	12	15

TỜ SỐ 4

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

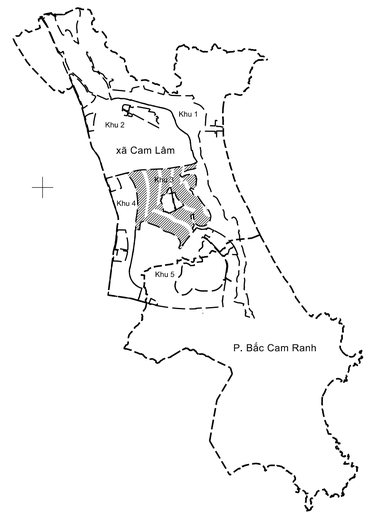

Ranh dự án

Chợ Chiều Cam Hải

Khu đo tỷ lệ 1/ 1000 (tờ DC 05)

Khu đo tỷ lệ 1/ 1000 (tờ DC 06)

Trường tiểu học xã Cam Lâm

Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Cam Lâm

ĐƯỜNG ĐINH TIÊN HOÀNG.NHỰA

đường bê tông

đường đất

đường nhựa

đường dải

K3-10 27.754 — K3-11 28.460 — K3-12 26.733 — K3-13 22.682 — K3-14 24.210 — K3-29 22.546 — K3-28 22.327 — K3-27 20.482 — K3-31 24.304 — K3-32 21.430

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 301

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	3	4	5	7	8	22	32	41	43	47	48	49	51	53	54	56	63	64	66	69	70	71	72	74	75	76	77	79	80	82	84	85	86	87	88	89	92	111	112	114	119	125	127	132	143	146	151	153	167	180	192	198	199	201	206	208	212	214	221	224	226	227	230	231	233	234	237	238	241
Diện tích	94,1	109,4	122,8	109,3	104,8	183,8	70,7	145,6	110,0	251,7	388,4	503,5	255,9	141,7	388,8	110,0	220,0	110,0	158,5	113,7	119,8	120,0	120,0	120,0	95,0	120,0	120,0	120,0	120,0	95,0	120,0	220,0	60,0	120,0	95,0	220,0	110,0	225,2	285,3	863,0	219,3	211,1	147,5	207,9	131,3	203,5	278,4	325,7	771,6	229,8	169,6	305,3	50,0	380,9	202,0	327,5	304,0	158,9	114,7	189,4	140,3	135,6	140,2	131,3	140,2	136,4	140,2	136,3	40,9
Loại đất	CLN	CLN	ODT +HNK	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	DGT	ODT	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	BCS	ODT	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	DGT	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	ODT	CLN	CLN	CLN	CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	DGT

Thửa số	242	243	245	247	249	250	252	253	254	256	257	258	259	260	262	264	265	267	268	269	272	274	275	277	278	280	282	283	284	288	289	291	220	121	123	135
Diện tích	136,4	136,3	133,1	136,3	130,8	136,4	136,3	99,2	133,1	24,3	129,7	154,8	136,4	140,7	198,7	133,1	133,1	170,6	393,3	136,4	133,0	126,1	136,5	133,0	82,4	136,5	206,7	151,2	132,9	136,2	133,0	124,8	174,8	203,2	225,1	166,2
Loại đất	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

338 596 - 9 - c TỜ SỐ 05 (TỜ SỐ 05 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - **Xã Cam Lâm**

	5	6
		13

TỜ SỐ 5

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

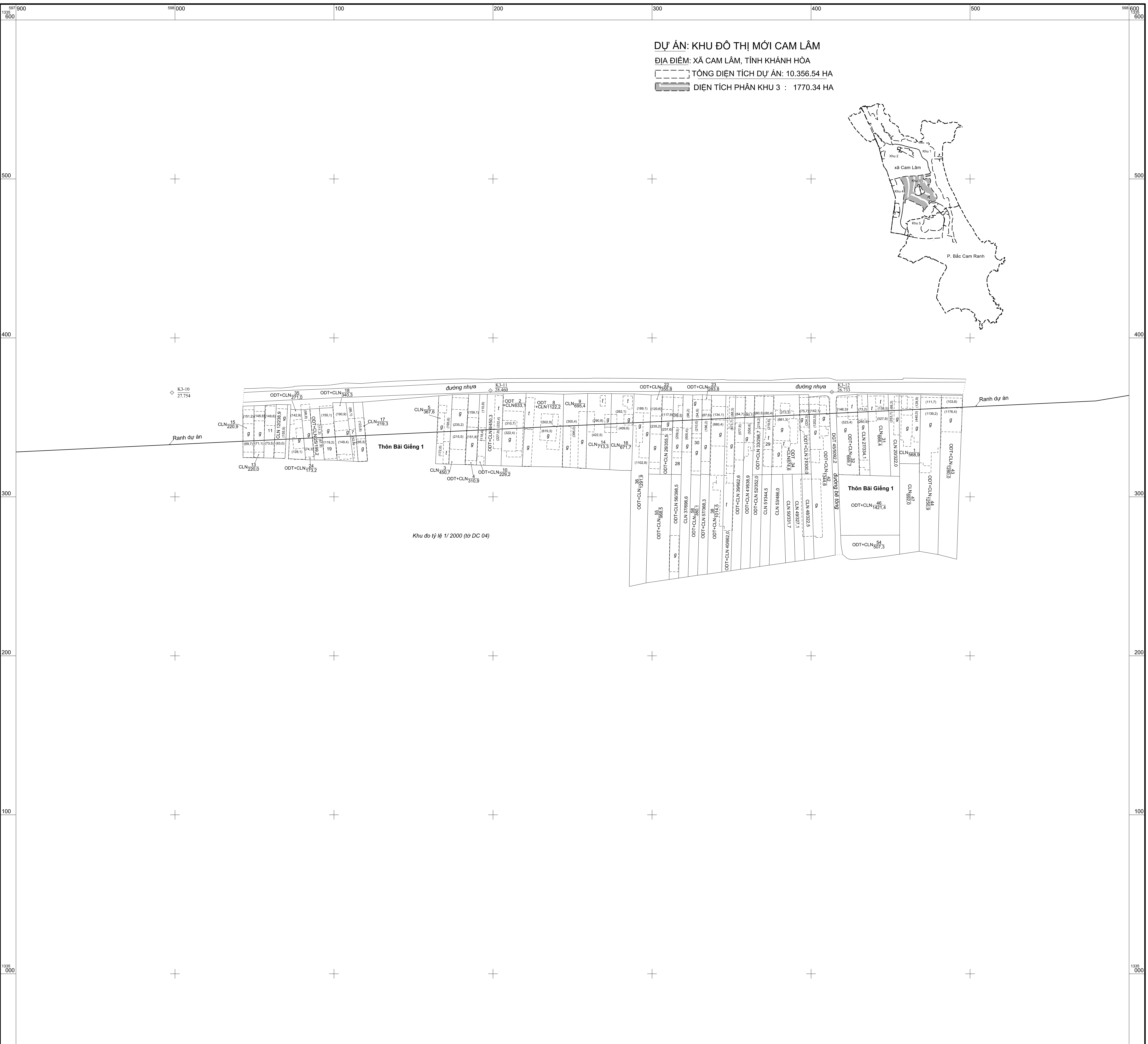

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 58

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	7	11	19	28	29	30
Diện tích	138,7	223,1	274,3	308,8	300,0	304,9
Loại đất	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

338 596 - 9 - d TỜ SỐ 06 (TỜ SỐ 06 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

5	6	
	13	

TỜ SỐ 6

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

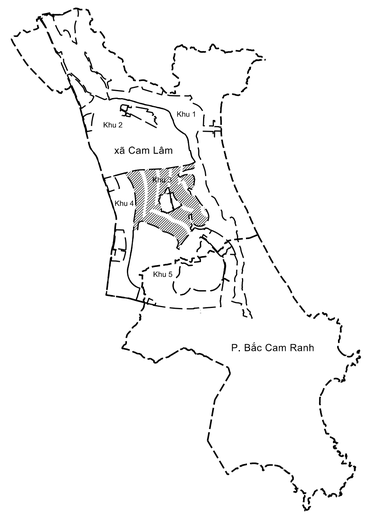

ĐƯỜNG ĐINH TIÊN HOÀNG.NHỰA

Ranh dự án

K3-13 22.682

K3-14 24.210

đường nhựa

đường bê tông

đường đất

Thôn Bãi Giếng 3

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 04)

QL.1A.NHỰA

Chi cục thuế Cam Lâm

Giáo Xứ Hòa Bình

đường nhựa

K3-27 20.482

K3-28 22.327

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 105

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	3	4	6	9	10	11	12	13	14	16	17	18	19	21	23	25	27	33	34	35	36	41	45	47	62	51	71	77	78	79	80	90	95	97	99	102	103	104
Diện tích	260,7	194,8	203,1	50,1	26,7	79,3	48,4	51,2	95,5	51,7	30,7	64,7	40,9	106,3	121,4	97,9	100,1	93,3	134,4	91,6	97,0	127,8	147,1	237,0	160,8	38,6	156,2	169,4	177,6	33,5	178,9	37,3	194,4	253,3	63,2	234,9	174,2	205,6
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

338 599 - 7 TỜ SỐ 07 (TỜ SỐ 07 TT CAM ĐỨC CŨ)

4	7	8
12	15	16

TỜ SỐ 7

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 398

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	2	3	4	7	8	11	12	15	16	20	22	24	25	26	29	31	32	34	35	36	37	38	40	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53
Diện tích	200,0	50,0	321,0	212,2	212,1	212,1	212,1	212,1	321,0	212,2	212,2	367,2	167,2	171,9	179,9	234,7	148,7	256,2	60,0	205,0	60,0	205,1	117,5	319,3	115,3	180,0	311,9	431,5	115,8	205,0	205,0	114,0	205,0	108,8	36,6
Loại đất	ODT	ODT	HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	ODT	HNK	ODT	CLN	CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	CLN	ODT	CLN	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT	CLN	CLN	ODT	CLN	CLN	CLN

Thửa số	54	55	57	58	59	60	61	62	63	64	67	69	71	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	84	87	88	89	90	91	92	93	96	97	98
Diện tích	205,1	205,1	205,0	114,2	205,0	205,0	180,0	410,1	271,1	116,6	130,6	250,0	117,8	204,3	123,0	209,2	50,0	202,3	170,0	151,9	200,4	204,0	119,1	207,7	124,7	211,3	218,9	233,7	324,5	206,3	143,0	200,3	226,0	120,4
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT	CLN	ODT	CLN	ODT	CLN	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	ODT	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	ODT

Thửa số	99	100	102	104	105	106	107	108	110	112	113	114	117	118	119	120	121	122	123	125	126	127	128	130	131	132	133	135	137	138	140	141	142	143	145
Diện tích	98,3	124,3	80,6	204,2	145,3	213,9	123,0	202,6	200,8	213,1	45,5	128,2	206,6	39,7	202,0	210,6	156,1	43,2	121,7	163,7	234,6	207,0	217,9	203,3	125,0	205,4	126,4	204,2	304,0	80,2	204,2	204,2	108,0	211,3	116,0
Loại đất	CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	CLN	ODT	CLN	CLN	ODT	CLN	ODT

Thửa số	146	149	151	152	153	154	156	159	160	161	162	163	164	165	167	168	170	172	174	175	180	183	184	186	187	189	190	192	193	195	196	198	199	200
Diện tích	211,2	211,3	211,2	74,4	204,2	204,2	316,9	204,2	204,2	200,2	88,1	210,8	147,4	204,1	210,9	205,0	233,9	210,9	204,2	204,2	204,3	204,2	204,2	204,2	169,3	204,2	204,2	157,0	204,2	204,2	204,2	249,4	204,2	204,2
Loại đất	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	CLN	CLN	ODT	CLN	CLN	CLN	ODT	CLN	CLN	ODT	CLN	ODT	CLN	CLN	CLN	ODT	CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN

Thửa số	205	206	207	208	211	212	218	219	220	221	223	224	226	228	230	240	260	262	266	268	272	273	274	278	279	284	288	290	294	295	297	298	299	305	308
Diện tích	202,2	202,2	205,3	202,2	212,0	270,7	214,3	204,2	202,2	202,2	211,2	133,3	211,2	211,3	180,0	178,2	168,1	71,0	374,6	139,6	109,7	67,5	128,6	12,1	473,8	151,6	100,0	123,3	200,0	200,0	280,2	280,0	240,0	16,7	286,6
Loại đất	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN

Thửa số	310	336	349	359	361	362	364	367	370	371	372	373	374	375	377	379	380	381	383	384	386	387	388	389	390	390	204	210	213	215	222	229	94	173
Diện tích	200,0	54,3	263,5	186,1	214,7	22,9	117,2	46,0	180,3	278,2	178,6	179,5	443,9	32,7	43,9	179,2	182,8	79,9	183,3	183,7	182,5	184,5	181,7	185,2	182,5	185,8	202,2	261,8	308,1	474,1	211,3	226,3	212,2	204,2
Loại đất	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	DGT	CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT	ODT	DTL	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	CLN	CLN	CLN	CLN	ODT	CLN	ODT	ODT +CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

338 599 - 8 TỜ SỐ 08 (TỜ SỐ 08 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

7	8	
15	16	

TỜ SỐ 8

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

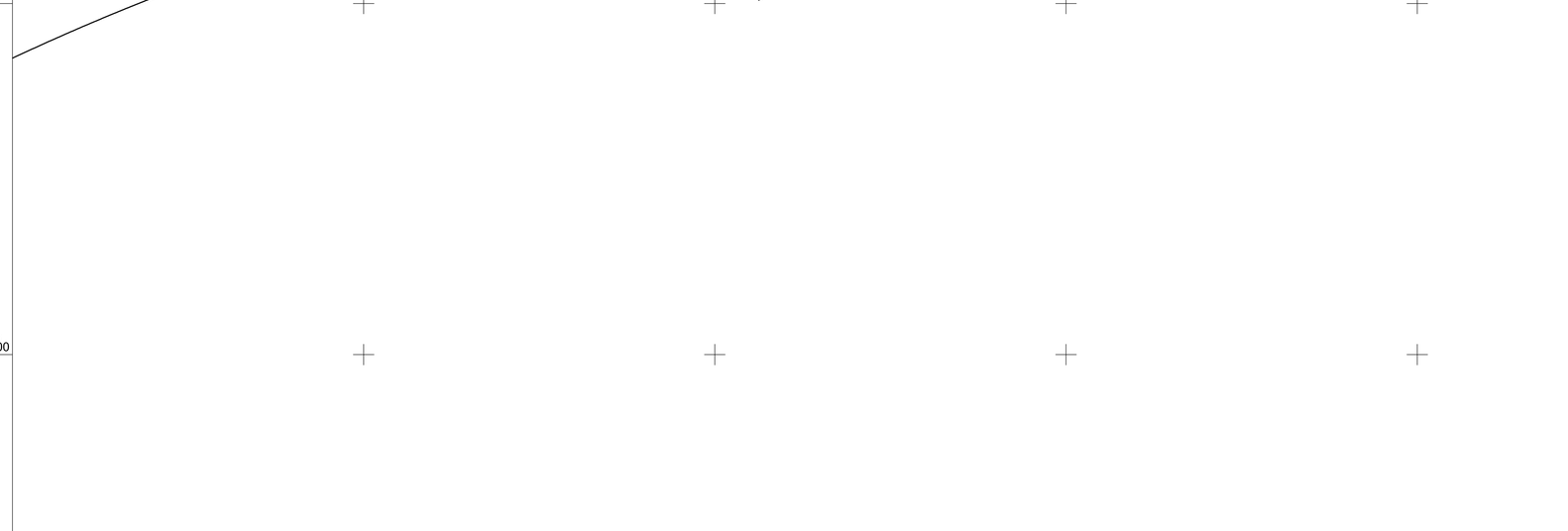

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 235

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	18	20	21	25	27	29	30	31	32	33	34	35	44	48	49	50	51	53	54	56	57	59	60	66	67	68	71	76	77	79	81	82	84	86	87	90	108	109	110	113	114	117	121	139	147	151	158	164	167	172	176	184	189	193
Diện tích	80,8	114,2	199,2	72,6	149,9	117,2	120,3	100,2	195,8	255,8	196,2	312,6	267,4	167,4	311,2	222,5	375,3	328,0	316,6	261,4	62,5	216,9	205,5	152,6	194,2	203,4	453,1	460,4	365,7	269,6	256,5	535,4	106,7	106,7	250,0	106,7	106,6	407,2	334,7	743,6	128,6	704,3	43,7	131,0	414,6	131,2	120,5	285,6	266,5	137,5	131,2	38,5	142,5	170,5	140,6	281,8	1035,1	140,4	508,1	195,8	148,0	175,2	148,0	246,2	268,8	259,5	150,0	92,4	107,9
Loại đất	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +HNK	CLN	ODT	CLN	ODT	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	CLN

Thửa số	194	197	198	200	201	202	204	205	209	213	215	221	224
Diện tích	257,2	217,1	218,3	346,7	279,2	359,3	363,6	219,5	178,9	150,0	57,7	472,3	194,9
Loại đất	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 593 - 3 TỜ SỐ 09 (TỜ SỐ 09 TT CAM ĐỨC CŨ)

	1	2
	9	10
		18

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 19

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																																																							
Diện tích																																																																							
Loại đất																																																																							

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 1 TỜ SỐ 10 (TỜ SỐ 10 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

1	2	3
9	10	11
	18	19

TỜ SỐ 10

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHẦN KHU 3 : 1770.34 HA

Thôn Bãi Giếng 1

Thôn Tân Hoà 2

Thôn Bãi Giếng

Ranh dự án

kênh Chính Nam

đường đất

đường bê tông

mương

HLAT lưới điện 110kV

ĐƯỜNG ĐAI HẠN NHỰA

K3-03 24.709

K3-38 23.174

K3-36 31.956

K3-35 31.163

K3-37 23.119

K3-39 20.995

K3-68 29.570

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 368

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	91	109	122	145	147	157	202	203	204	240	250	253	257	261	264	266	269	279	329	350	357	396
Diện tích	576,5	410,3	526,7	458,1	537,2	729,9	442,2	257,6	424,2	227,4	96,5	99,3	98,6	98,1	98,9	98,8	19,9	107,1	587,4	149,7	14,6	147,3
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	DNL	DGT	HNK	DTL	DNL	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 2 TỜ SỐ 11 (TỜ SỐ 11 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

2	3	4
10	11	12
18	19	20

TỜ SỐ 11

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

Thôn Bãi Giếng 1

Thôn Bãi Giếng

Thôn Bãi Giếng

Thôn Bãi Giếng

Thôn Bãi Giếng

Thôn Bãi Giếng

HLAT lưới điện 110kV

DGT 286/1965,8 đường đất

DTL 343/1194,8 kênh Chính Nam

DTL 394/2015,0 kênh Chính Nam

DTL 407/2469,4 kênh Chính Nam

DTL 598/956,1 kênh Chính Nam

DGT 172/378,8 đường nhựa

đường bê tông

đường nhựa

đường đất

mương

giếng

ao

K3-33 23.718

K3-34 24.674

K3-35 31.163

K3-36 21.220

K3-37 23.119

K3-40 19.753

K3-41 21.220

K3-42 22.417

K3-46 11.413

K3-47 10.626

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 528

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	32	40	42	46	51	55	57	61	68	87	91	100	102	105	107	111	117	118	122	123	125	191	194	208	211	213	217	219	223	228	232	242	249	298	325	352	375	384	424	434	438	455	460	209
Diện tích	678,6	225,5	235,1	254,0	190,8	206,5	204,5	198,7	212,4	210,5	202,7	218,5	208,8	209,6	208,8	215,4	208,7	227,7	208,8	221,3	208,8	81,0	234,0	237,5	293,4	299,1	204,1	247,4	130,1	249,9	250,0	39,2	418,0	38,3	237,4	274,6	592,8	242,8	80,3	180,3	123,8	34,4	105,4	268,4
Loại đất	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	DGT	HNK	ODT +CLN	LUC	ODT +CLN	ODT +CLN	LUK	HNK	CLN	CLN	DNL	LUC	DNL	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	DNL	CLN	CLN

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 3 TỜ SỐ 12 (TỜ SỐ 12 TT CAM ĐỨC CŨ)

3	4	7
11	12	15
19	20	32

TỜ SỐ 12

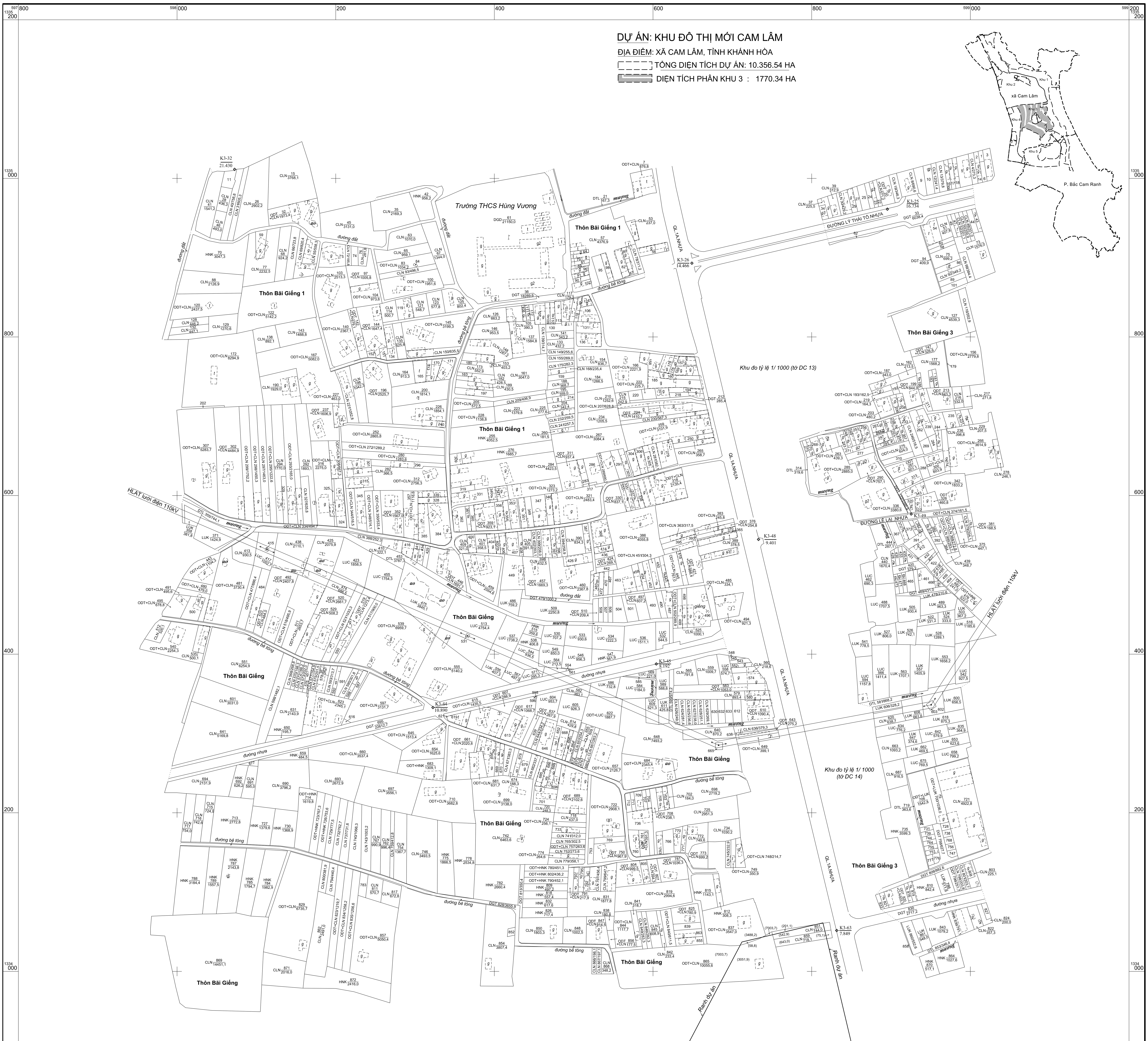

GHI CHÚ
- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 869

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	1	2	3	5	6	9	10	11	14	16	17	18	22	23	24	25	27	29	34	43	44	47	49	54	56	58	59	60	62	64	71	74	79	80	81
Diện tích	81,8	128,9	384,6	611,0	150,7	390,5	382,1	329,6	102,4	209,5	204,4	214,7	169,0	166,2	196,3	319,8	188,8	214,4	144,0	149,6	210,0	150,0	149,6	601,8	425,9	175,6	428,8	175,2	145,2	93,0	943,0	210,1	55,5	260,7	106,3
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	CLN	CLN

Thửa số	82	84	85	86	87	89	90	91	95	96	98	101	102	106	107	108	109	110	111	112	113	115	118	119	124	130	131	134	136	151	152	157	158	159
Diện tích	342,0	12,0	85,0	244,6	118,9	244,4	117,7	126,0	448,4	137,2	259,3	275,9	286,6	462,9	378,8	86,7	164,3	163,9	101,1	104,2	225,6	342,2	148,1	527,7	171,0	368,1	436,4	536,7	532,1	128,2	84,9	271,8	481,2	248,4
Loại đất	ODT +CLN	NTD	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	160	163	165	169	170	171	174	176	178	179	180	181	183	185	186	192	194	197	201	202	206	208	211	214	218	220	231	233	235	238	239	240	242	243	244
Diện tích	297,5	87,2	427,9	353,4	316,8	474,3	120,0	131,6	314,0	47,5	89,2	115,1	110,9	910,8	102,0	110,8	256,7	408,2	218,4	124,6	173,8	188,3	264,0	247,0	244,4	212,5	130,3	190,7	342,9	160,7	385,9	88,8	181,6	213,4	172,8
Loại đất	ONT +CLN	ODT	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	DGT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN

Thửa số	245	247	248	249	250	251	253	254	256	257	258	261	262	264	268	269	270	271	273	274	277	279	283	286	288	291	296	301	303	304	305	306	309	310
Diện tích	179,3	193,3	136,3	113,2	212,3	84,3	219,9	113,0	229,1	119,3	59,4	154,6	410,5	168,5	228,6	220,1	116,3	265,7	108,2	370,3	287,6	679,8	255,5	610,1	276,6	371,1	665,7	441,8	250,0	337,2	200,0	334,1	219,0	275,6
Loại đất	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +HNK	CLN

Thửa số	313	315	317	319	320	322	324	325	328	329	331	333	335	337	338	339	340	341	343	345	346	347	349	351	353	354	356	360	361	362	364	365	367	369	370
Diện tích	532,9	485,1	51,8	209,7	171,2	155,9	734,9	231,7	301,1	357,4	725,6	221,0	221,0	221,1	221,1	294,0	157,1	277,0	417,7	716,5	321,1	690,3	308,6	310,0	434,7	254,9	365,9	188,1	162,7	515,7	290,5	75,7	327,4	730,8	253,4
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	372	373	377	378	380	382	384	385	387	391	392	393	395	396	397	400	403	404	406	407	408	411	412	414	415	416	418	419	422	426	427	428	429	430
Diện tích	191,5	195,5	99,0	168,0	123,7	104,6	1362,5	660,9	273,9	276,3	100,2	32,0	301,1	223,3	224,7	234,1	130,0	246,3	212,0	465,2	157,0	309,0	392,9	193,5	15,5	270,2	88,0	244,1	202,1	448,1	59,0	102,8	161,0	110,0
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DNL	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	ODT	ODT +CLN	ODT

Thửa số	431	432	433	434	435	436	437	441	442	447	448	449	450	452	454	456	458	461	463	464	465	466	467	468	470	471	472	473	483	484	487	490	493	496	498
Diện tích	126,5	155,1	113,1	171,7	106,6	174,6	402,9	154,2	186,2	202,0	141,0	1164,7	236,3	293,1	212,3	118,5	273,6	482,9	855,5	119,4	267,0	87,2	178,4	131,0	176,7	129,5	175,0	127,1	200,7	888,7	339,4	274,1	473,1	1427,5	299,4
Loại đất	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +LUC	ODT +CLN	ODT	ODT +LUC	ODT +LUK	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	499	500	501	504	506	507	508	531	543	545	548	550	552	554	561	562	574	576	578	580	585	587	588	591	592	595	596	602	603	612	613	616	619	621
Diện tích	296,1	601,2	384,7	500,3	192,3	187,0	181,7	18,2	126,9	66,1	5,3	200,0	140,5	12,4	9,3	94,9	535,5	192,8	322,7	343,6	113,5	229,8	198,7	373,3	190,7	3,8	7,3	633,9	81,3	321,4	554,1	45,4	356,5	2,7
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +LUK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DNL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	DTL	CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	LUC	BCS	LUK	DNL	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	630	632	633	638	639	646	652	656	664	665	666	668	669	670	672	673	676	677	678	679	680	685	686	688	696	701	703	704	705	707	709	711	712	728	731
Diện tích	273,2	266,9	289,7	88,6	253,5	715,7	273,8	766,1	236,9	81,2	180,5	392,6	228,2	223,8	36,0	50,0	60,0	98,1	208,3	356,6	60,0	250,5	228,9	217,2	246,1	642,0	189,5	119,2	231,2	119,3	238,3	118,7	163,8	101,1	99,5
Loại đất	CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	DNL	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT

Thửa số	733	736	738	739	744	747	751	753	755	756	760	763	764	766	768	769	770	771	776	777	783	792	793	795	805	808	814	816	821	827	833	839	852	855
Diện tích	327,2	1004,7	102,1	99,8	100,2	100,3	101,3	230,4	100,9	96,0	407,8	223,3	100,6	410,8	103,1	280,4	314,5	209,5	101,2	102,9	289,0	218,2	203,9	205,2	272,1	200,0	128,1	124,6	125,6	135,5	97,8	280,0	91,0	349,1
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN

Thửa số	858	863
Diện tích	39,1	349,2
Loại đất	DTL	ODT +CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 3 - b TỜ SỐ 13 (TỜ SỐ 13 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

5 | 6 | 13 | 14

TỜ SỐ 13

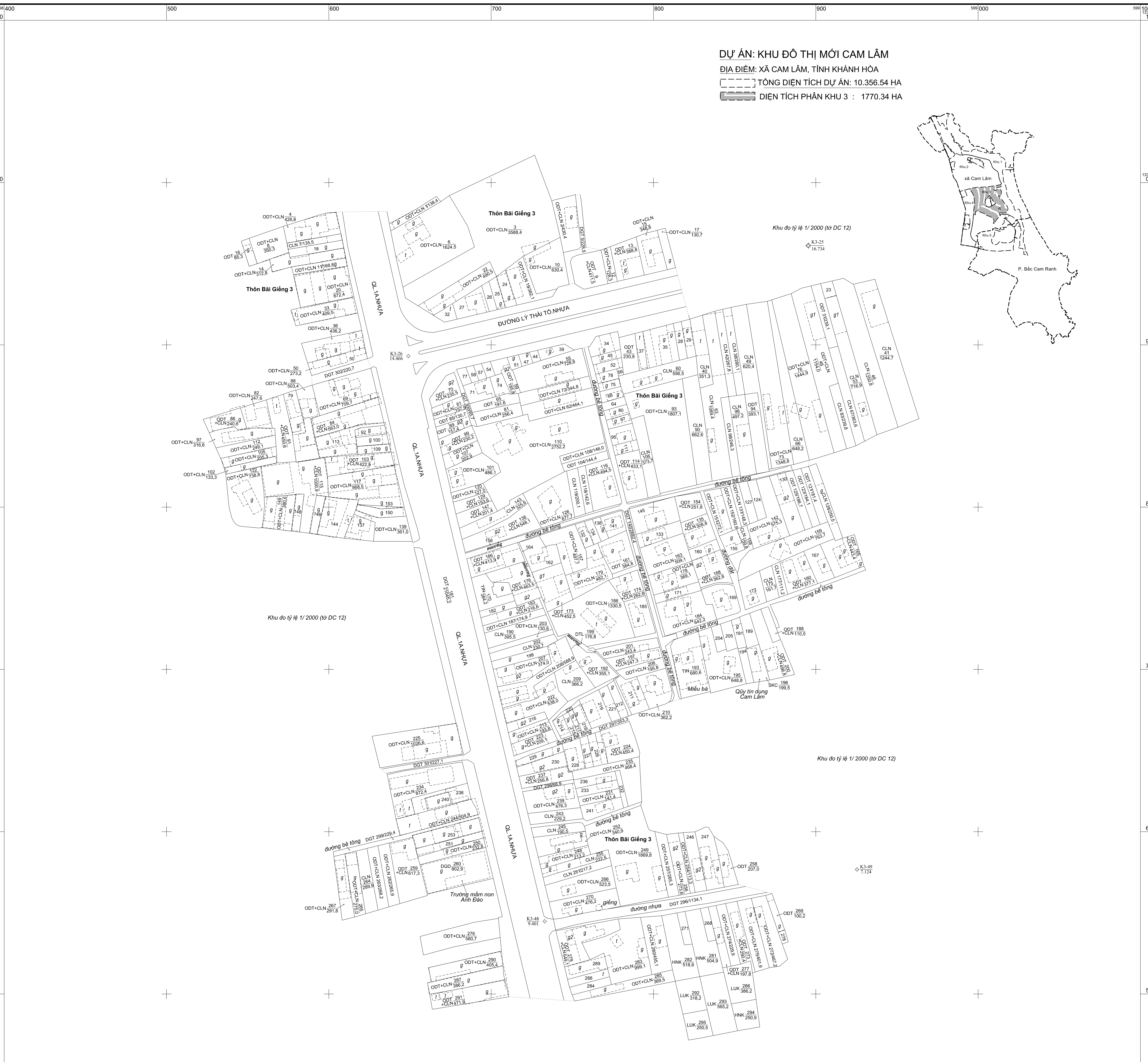

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 300

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	7	8	11	14	16	18	23	25	26	29	32	44
Diện tích	135,5	350,3	168,8	312,8	85,3	168,8	70,0	103,7	87,4	126,6	88,8	34,9
Loại đất	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT

Thửa số	45	47	51	52	54	56	57	58	64	68	71	74
Diện tích	92,4	50,5	56,4	105,5	51,3	16,5	49,5	48,1	73,8	94,0	206,8	110,8
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	CLN

Thửa số	75	77	78	79	80	87	92	95	100	109	111	113
Diện tích	67,5	61,9	80,7	192,2	89,2	88,7	103,0	160,2	113,7	100,8	96,5	407,9
Loại đất	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	124	127	130	132	133	134	137	138	141	144	145	146
Diện tích	135,8	142,0	381,4	93,7	237,6	75,7	221,9	72,6	173,4	454,6	452,5	119,2
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	148	150	153	155	156	160	162	164	167	169	171	172
Diện tích	117,0	159,4	25,4	153,5	17,5	129,9	349,8	17,2	243,6	351,3	158,2	265,2
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	182	185	189	191	194	198	204	205	211
Diện tích	92,4	313,0	142,8	101,0	108,6	179,2	95,6	121,3	275,6
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	212	214	215	216	217	218	219	220	221	226	227	228	229
Diện tích	116,9	90,1	55,6	125,4	43,1	96,5	272,3	35,4	130,6	157,4	96,5	201,5	143,2
Loại đất	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	230	232	233	236	240	241	246	250	251	253	278	27	28
Diện tích	233,5	69,7	141,9	142,3	119,9	220,3	271,3	232,8	199,4	353,5	31,5	270,6	115,0
Loại đất	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	SKC	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	LUK	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	35	34	37	39	50	247	238	268	271	284	288	289	24
Diện tích	456,3	205,4	115,5	115,4	273,2	409,9	242,6	104,4	101,8	126,3	127,8	216,7	145,8
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 3 - d TỜ SỐ 14 (TỜ SỐ 14 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

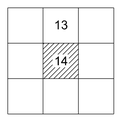

TỜ SỐ 14

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

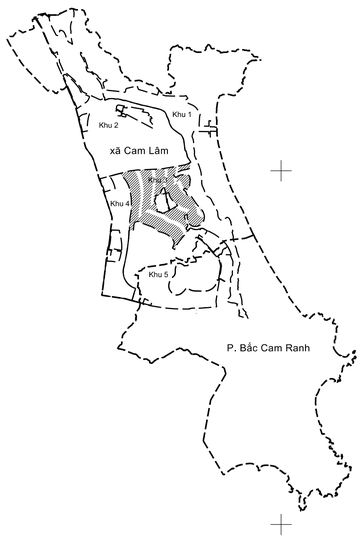

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 12)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 12)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 12)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 12)

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 136

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	2	7	18	22	23	47	53	66	88	118	123
Diện tích	55,2	50,0	79,5	22,6	232,6	291,3	248,0	50,0	78,0	312,3	148,3
Loại đất	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 1 TỜ SỐ 15 (TỜ SỐ 15 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

4	7	8
12	15	16
20	32	38

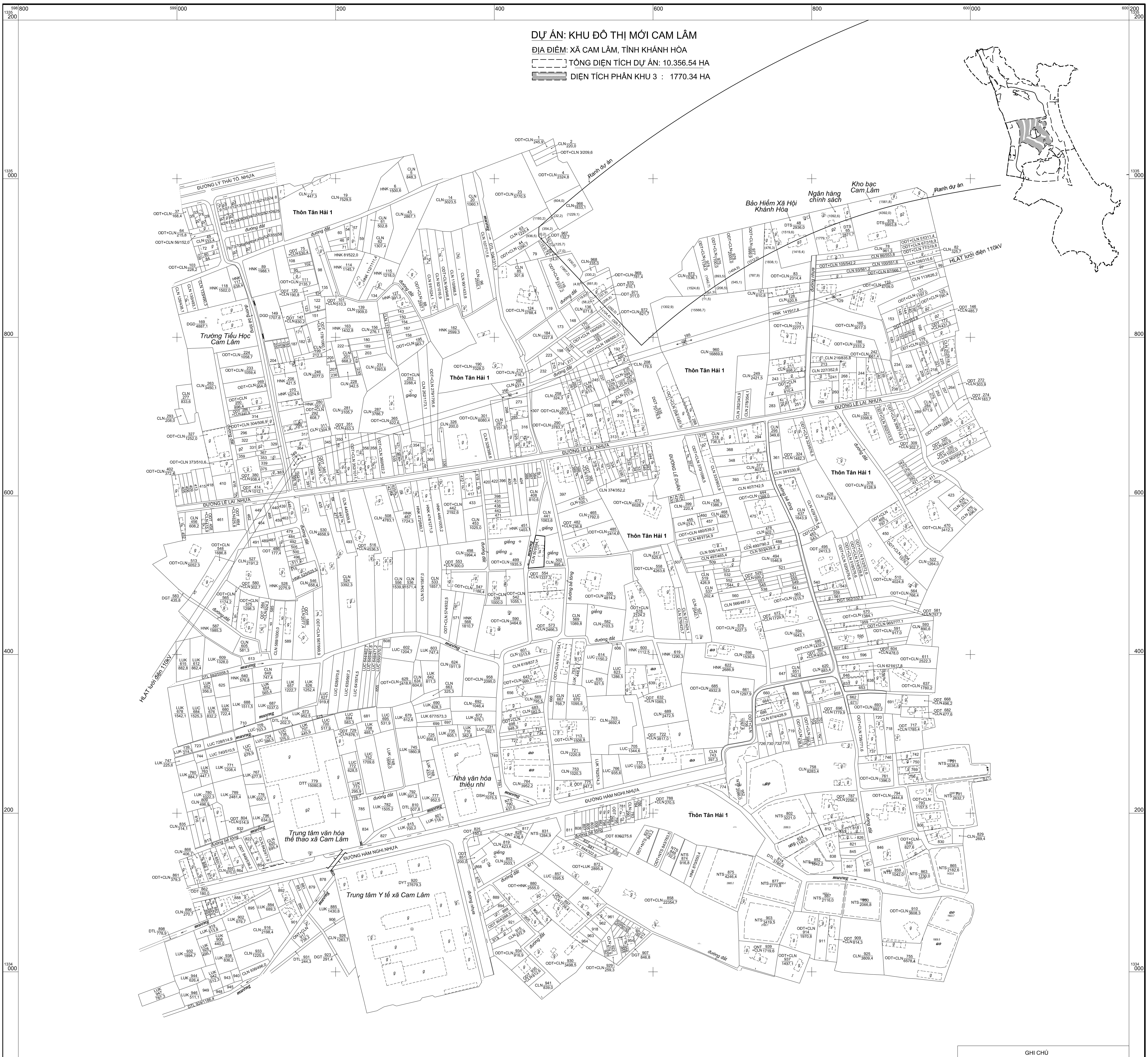

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thân

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 978

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	21	22	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	38	39	40	41	42	45	46	47	50	52
Diện tích	126,5	128,3	117,6	117,4	117,6	117,4	117,4	117,2	117,2	117,3	117,3	117,0	117,3	119,8	120,4	120,5	120,5	166,4	120,9	168,5	120,7	168,5	120,8	168,5	120,9	121,0	121,1	121,0	121,1	119,9	149,1	162,4	144,2	138,8	133,6
Loại đất	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT

Thửa số	53	54	55	57	58	59	60	66	68	69	70	71	72	73	74	76	79	80	84	95	97	98	99	102	108	109	119	122	123	129	134	135	137	138
Diện tích	128,4	168,5	123,3	432,7	118,7	307,3	351,1	154,5	159,7	125,4	164,7	159,9	247,8	170,2	116,1	174,1	379,8	115,3	113,6	150,0	286,2	881,2	238,9	150,0	300,0	184,0	1242,2	381,8	185,2	11,0	214,4	26,9	115,7	117,6
Loại đất	ODT	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DNL	ODT +HNK	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	140	142	143	144	145	148	150	151	153	154	155	157	158	159	161	164	166	167	168	170	171	173	175	176	180	181	182	183	185	187	189	191	192	193	194
Diện tích	99,2	27,3	230,8	137,5	136,3	403,3	245,1	297,2	398,3	260,1	250,0	117,9	335,6	118,9	118,7	117,4	281,2	405,2	344,4	281,2	7,0	538,1	166,8	240,1	353,1	250,0	355,4	170,9	11,6	369,1	350,3	207,7	339,5	149,5	207,7
Loại đất	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	DGT	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT	DNL	CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT

Thửa số	196	197	198	200	203	204	205	207	209	210	213	214	215	217	218	219	220	221	222	223	225	226	230	232	234	236	237	238	239	240	241	243	244	245
Diện tích	149,7	149,8	306,1	150,0	343,9	341,2	27,8	123,5	325,9	104,5	202,5	141,1	244,0	100,0	381,8	129,8	194,0	207,8	43,0	317,6	384,9	710,2	55,6	404,8	545,8	72,1	373,0	447,2	288,6	269,9	331,5	462,0	626,6	531,7
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	DGT	CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN

Thửa số	251	252	256	257	259	260	261	264	265	268	271	273	275	276	283	285	288	289	291	294	296	298	299	305	307	308	310	312	313	314	315	316	317	319	322
Diện tích	466,5	323,3	11,7	260,0	843,7	236,8	316,5	318,8	253,5	799,5	285,3	290,8	202,1	242,5	397,3	322,2	268,5	480,1	790,6	790,5	535,3	530,8	314,1	710,9	129,0	539,5	937,2	519,7	590,2	426,5	219,1	907,5	340,6	105,1	486,6
Loại đất	DSH	ODT +CLN	DNL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	325	329	331	332	334	335	336	337	338	339	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	353	354	355	356	357	358	359	361	363	364	366	367	368	369
Diện tích	222,1	300,0	285,7	335,7	242,9	168,1	49,7	343,4	237,5	196,5	197,8	331,1	211,3	300,5	538,9	245,4	369,6	864,5	96,0	505,9	193,1	427,8	213,7	531,6	238,1	513,4	149,9	535,5	318,6	964,0	411,1	186,4	971,0	327,5
Loại đất	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DNL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN

Thửa số	371	372	375	376	379	383	384	385	386	387	388	389	390	391	392	393	394	395	396	397	398	400	401	403	404	405	406	409	410	411	412	413	415	416	417
Diện tích	236,8	313,1	198,1	322,2	300,0	203,6	164,6	295,5	250,5	149,6	149,6	256,7	185,8	197,3	286,5	771,9	252,4	127,1	324,4	1705,3	180,0	440,3	443,0	499,7	589,7	192,9	193,1	231,9	703,2	378,7	159,0	249,0	417,6	189,8	468,7
Loại đất	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	418	419	420	421	422	423	424	425	426	427	430	431	433	435	438	439	440	443	447	448	449	450	452	454	457	459	460	461	462	463	466	471	475	477
Diện tích	383,2	156,5	313,7	299,2	318,8	486,5	55,0	206,5	62,8	208,0	57,2	180,0	334,4	216,2	180,0	148,7	157,7	180,0	349,0	244,2	292,8	771,2	227,0	290,8	202,3	154,9	54,2	606,9	253,7	155,0	240,3	180,0	1642,7	247,8
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +HNK	ODT +CLN	ODT +HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	DSH	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	479	484	487	488	489	491	492	493	496	500	505	507	509	511	512	514	515	520	521	523	526	531	532	538	540	541	543	544	545	549	551	552	555	559	560
Diện tích	156,5	151,8	158,5	211,2	151,8	161,3	151,8	337,1	154,8	156,0	156,6	110,5	404,6	152,6	572,6	539,8	17,2	793,0	306,6	194,3	108,4	154,8	241,6	247,8	121,6	216,5	313,6	230,7	193,6	155,0	197,5	245,1	154,9	232,7	390,8
Loại đất	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ONT	CLN	ODT	ODT	ODT	DGT	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN

Thửa số	561	571	585	589	595	596	606	607	608	610	613	617	625	631	633	636	638	639	646	647	653	655	656	658	659	660	662	664	665	666	671	675	681	686
Diện tích	258,4	653,6	329,5	999,9	805,1	222,7	25,3	475,0	113,5	214,2	316,0	547,9	549,7	294,6	341,5	513,5	224,1	861,7	234,1	373,3	178,6	122,9	793,6	254,8	697,8	315,5	91,8	343,8	860,6	298,0	69,3	58,2	344,8	606,8
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	HNK	ODT +CLN	NTS	ODT	HNK	ODT +CLN	LUK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	ODT	LUK	NTS	ODT +CLN

Thửa số	691	697	699	701	702	704	710	712	718	719	720	723	726	727	730	732	733	734	737	742	744	746	749	750	756	759	765	769	774	778	781	784	785	786	797
Diện tích	504,1	91,9	188,6	243,1	265,7	263,7	111,2	280,0	590,5	417,2	603,9	195,9	372,5	576,3	411,5	390,5	371,6	277,4	626,1	298,5	201,1	382,0	159,6	265,5	396,6	157,2	132,7	258,1	351,4	13,8	278,8	129,0	522,4	126,6	136,5
Loại đất	ODT +CLN	LUK	LUC	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	DTL	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	LUK	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	LUK	ODT +CLN	LUC	ODT +CLN	ODT +CLN	LUC	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	DTL	ODT +CLN	ODT	HNK	ODT	ODT

Thửa số	798	799	800	803	805	806	807	808	811	812	813	816	817	818	821	822	826	827	830	832	833	834	837	838	839	841	845	846	847	850	854	856	860	864
Diện tích	140,4	135,7	134,9	162,0	131,5	913,1	131,5	250,1	324,0	664,6	388,4	311,1	145,6	215,6	253,9	212,5	259,5	339,3	638,7	89,7	108,3	437,6	158,4	819,5	263,1	158,4	322,2	1202,6	367,9	150,0	200,0	116,9	18,6	150,0
Loại đất	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	NTS	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	LUK	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	HNK	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	LUK	ODT	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT

Thửa số	867	868	869	871	873	876	878	879	881	882	883	886	888	889	890	891	892	893	894	895	899	900	901	905	906	911	912	913	918	921	927	940	943	945	948
Diện tích	388,7	38,2	645,3	133,2	505,7	120,0	356,5	402,6	238,9	179,8	100,0	1060,0	935,6	694,8	299,6	267,6	671,5	123,0	261,7	350,8	280,2	334,6	691,1	358,2	93,3	821,2	147,7	155,2	285,5	497,0	100,0	163,7	243,8	160,6	93,5
Loại đất	CLN	LUK	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	LUK	LUK	ODT +LUK	ODT +LUK	CLN	ODT	ODT +HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +LUK	ODT +LUK	LUK	LUK	ODT +CLN	LUK	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	LUK	LUK	LUK	LUK

Thửa số	949	951	953	954	955	956	957	959	961	962	963	964
Diện tích	377,5	142,3	117,4	344,9	126,2	111,9	89,9	676,0	334,7	283,7	278,0	299,1
Loại đất	LUK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 2 TỜ SỐ 16 (TỜ SỐ 16 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

7	8	
15	16	
32	38	39

TỜ SỐ 16

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 295

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	6	7	9	14	15	18	20	21	23	27	28	29	34	35	36	38	43	46	50	53	55	57	58	59	68	80	84	87	91	92	93	97	98	99	103	105	107	113	115	118	122	124	125	127	128	130	131	132	133	136	268	145	146	147	173	187	222	227	229	230	231	233	234	235	237	238	240	241	242	246	247
Diện tích	206,5	324,4	913,4	173,5	208,1	279,0	162,1	187,8	263,0	97,7	642,9	574,2	32,3	229,7	743,9	246,4	849,5	511,6	823,6	388,9	373,4	289,1	332,6	404,8	442,3	730,2	470,0	333,9	194,8	423,9	89,5	103,9	343,5	280,8	192,1	96,5	96,3	165,7	460,7	136,8	202,9	307,2	330,6	171,2	152,2	688,6	143,5	202,2	127,5	155,9	560,1	445,5	219,4	157,2	34,7	126,7	195,9	407,1	121,7	286,7	258,8	450,6	184,0	78,5	253,8	50,0	92,5	89,1	126,2	350,7	70,8
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DNL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	NTS	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DGT	CLN	ODT	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	248	249	250	267	283	286	288	291
Diện tích	81,7	77,5	75,1	66,2	35,9	341,9	41,5	366,5
Loại đất	ODT +CLN	ODT + CLN	ODT +CLN	HNK	DNL	ODT	DGT	ODT +CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 4 TỜ SỐ 18 (TỜ SỐ 18 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

9	10	11
	18	19
	41	42

TỜ SỐ 18

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 472

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	12	13	14	16	20	25	26	28	29	30	31	36	37	38	40	41	42	43	46	47	49	50	52	79	80	81	86	108	109	110	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	128	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	156	157	177	179
Diện tích	89,1	87,8	86,4	85,1	83,7	105,9	77,0	78,4	79,7	81,0	82,4	167,3	166,4	165,5	164,7	163,8	163,0	162,1	272,6	159,3	160,4	161,3	12,7	225,2	218,6	212,0	225,2	252,0	277,6	273,3	250,4	268,9	264,6	248,9	260,3	247,4	256,0	251,6	245,9	247,3	242,8	227,9	306,3	214,2	214,0	213,9	213,7	205,2	213,6	213,4	213,3	213,1	213,0	212,8	212,6	212,5	212,3	212,1	212,0	211,8	211,7	211,5	211,4	211,2	211,1	210,9	210,7	212,0	211,5
Loại đất	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	HNK	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN

Thửa số	180	182	193	207	210	211	221	222	223	224	226	228	229	248	252	253	254	255	258	262	263	265	267	268	269	270	271	272	273	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	325	327	328	329	330	331	332	333	334	336	337	338	339	340	341	342
Diện tích	211,1	273,8	27,5	206,6	214,5	214,6	239,6	240,4	240,4	240,4	268,0	240,3	240,4	187,7	282,3	232,2	232,1	202,6	162,3	325,2	307,2	307,4	234,7	234,8	234,9	222,8	228,0	235,1	235,2	210,1	210,2	210,1	210,2	210,1	210,2	210,2	210,2	210,2	210,2	210,2	210,2	210,2	210,2	210,2	210,2	210,2	210,1	210,2	210,1	210,2	210,1	210,2	300,2	321,4	326,9	362,4	326,9	213,2	213,2	213,2	220,0	213,3	213,3	213,3	300,0	300,0	300,0	314,8	280,2
Loại đất	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	DGT	CLN	CLN	CLN	CLN	HNK	HNK	HNK	HNK	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	HNK	HNK	HNK	HNK	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	HNK	HNK	HNK	HNK	CLN

Thửa số	343	344	345	394	395	397	398	481	486	487	488	583
Diện tích	203,2	232,2	232,2	231,0	230,8	230,6	230,7	52,3	315,4	274,9	218,0	134,5
Loại đất	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	LUK

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 5 TỜ SỐ 19 (TỜ SỐ 19 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

10	11	12
18	19	20
41	42	43

TỜ SỐ 19

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

Thôn Tân Hòa

Thôn Nghĩa Trung

Thôn Yên Hòa

Trường THCS Quang Trung

Nghĩa địa

ĐƯỜNG NGUYỄN DU

HLAT lưới điện 110kV

mương

đường đất

đường bê tông

đường nhựa

kênh chính nam

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 648

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	22	23	37	50	63	76	88	103	119	126	136	137	139	148	162	163	165	166	169	172	173	175	177	178	179	180	184	186	189	193	195	197	198	200	206	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	232	233	235	238	245	250	251	253	254	255	256	257	258	260	262	265	268	269	273	275
Diện tích	265,2	110,6	43,6	135,7	82,4	276,5	123,3	50,4	283,2	108,8	178,6	243,1	109,2	216,1	173,4	175,3	181,1	136,5	180,8	175,7	170,6	133,6	129,8	128,3	128,3	128,2	96,1	67,2	95,3	94,6	93,8	93,1	138,4	99,8	139,4	140,9	144,7	118,9	150,0	133,8	129,6	225,0	139,6	182,5	191,9	201,4	210,7	220,2	328,3	194,7	273,4	266,5	310,6	308,1	206,0	198,5	386,5	136,4	257,1	223,2	146,4	160,2	308,7	306,2	141,9	138,3	269,5	233,1
Loại đất	HNK	CLN	LUK	LUK	LUK	LUK	LUK	DNL	LUK	LUK	LUK	CLN	LUK	LUK	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	DNL	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	CLN	CLN	ODT +HNK	ODT +CLN	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +HNK	CLN	ODT +HNK	ODT +HNK	ODT +HNK	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +HNK	CLN	CLN

Thửa số	277	278	281	283	284	285	300	302	308	310	322	323	324	325	330	331	332	333	335	339	340	341	343	344	345	346	347	348	349	352	353	358	360	361	362	363	365	367	369	387	388	394	396	402	403	406	408	409	410	411	444	453	463	464	466	468	469	472	475	476	477	480	481	483	484	485	487	488
Diện tích	630,3	119,2	300,5	147,2	95,0	145,9	254,1	310,8	148,5	304,8	265,2	284,1	211,8	131,6	279,2	328,7	168,2	26,1	181,3	553,8	299,9	154,6	149,8	186,6	31,6	322,9	164,8	699,9	379,9	523,6	493,8	148,0	252,8	41,6	253,7	283,4	137,6	137,8	258,3	100,0	100,0	100,0	219,4	63,9	633,8	405,6	127,7	123,5	817,2	688,0	67,2	135,0	91,8	110,1	118,9	140,7	146,9	100,2	96,4	99,0	94,8	99,1	99,3	82,9	100,0	98,3	101,7	85,6
Loại đất	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DNL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	HNK	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DNL	HNK	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	HNK	ODT	HNK	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT

Thửa số	489	490	492	493	494	497	499	500	503	504	505	506	507	509	513	514	515	516	518	519	521	522	523	526	529	537	541	543	544	545	546	547	548	549	550	551	554	555	556	558	559	561	562	564	565	566	568	571	572	573	574	577	578	580	581	583	584	585	587	589	593	633	634	591	161	167	168	174
Diện tích	93,0	95,8	100,1	91,1	100,0	101,3	89,2	99,9	86,8	103,1	98,4	101,3	104,6	107,4	111,7	114,3	109,6	117,7	94,1	136,0	119,7	117,8	104,1	120,9	110,9	144,1	149,4	147,6	148,6	148,0	116,0	148,8	108,7	149,3	112,4	112,6	178,7	131,0	131,3	111,4	111,4	111,6	111,3	111,3	123,4	111,1	122,0	138,8	120,5	123,6	77,4	121,5	110,4	110,3	110,4	111,2	111,2	110,8	129,2	129,4	32,5	223,0	221,6	171,2	297,0	181,7	188,1	173,3
Loại đất	HNK	ODT	ODT	HNK	ODT	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	ODT	ODT	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	DGT	HNK	HNK	HNK	HNK	HNK	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	HNK	ODT	HNK	ODT	HNK	HNK	HNK	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	DNL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 6 TỜ SỐ 20 (TỜ SỐ 20 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

11	12	15
19	20	32
42	43	50

TỜ SỐ 20

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

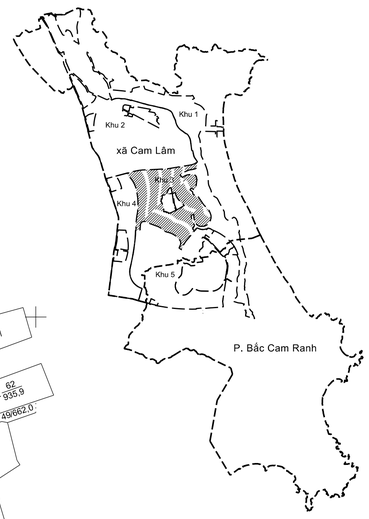

Thôn Bãi Giếng

Thôn Tân Hòa

Thôn Tân Hòa

Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Thái Bình

Dòng tu thơ sai

Giáo Xứ Hòa Yên 2

Giáo xứ Hòa Yên

đường bê tông

đường nhựa

đường đất

mương

kênh Chính Nam

ĐƯỜNG NGÔ GIA TỰ NHỰA

ĐƯỜNG NGUYỄN KHUYẾN NHỰA

ĐƯỜNG BÀ HUYỆN THANH QUAN

ĐƯỜNG ĐÀO DUY ANH

QL 1A NHỰA

Ranh dự án

Khu đo tỷ lệ 1/ 500 (tờ DC 22)

Khu đo tỷ lệ 1/ 500 (tờ DC 23)

Khu đo tỷ lệ 1/ 500 (tờ DC 24)

Khu đo tỷ lệ 1/ 500 (tờ DC 25)

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 455

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	Diện tích	Loại đất
9	235,7	CLN
25	36,3	DGT
28	257,6	HNK
29	140,1	ODT
33	782,7	ODT +CLN
34	335,8	ODT +CLN
35	166,6	ODT +CLN
36	175,6	ODT +CLN
47	135,0	ODT +CLN
48	210,0	CLN
50	210,0	CLN
51	150,0	ODT
53	210,0	ODT +CLN
57	245,0	ODT +CLN
58	245,0	ODT +CLN
66	167,5	ODT
73	186,5	ODT +CLN
77	100,5	ODT
78	262,8	ODT
79	180,1	ODT
80	179,6	ODT
90	155,0	ODT
92	200,0	ODT
93	154,2	ODT
94	160,1	ODT
96	196,8	ODT
98	132,8	ODT
99	186,7	ODT +CLN
100	161,8	ODT
101	161,9	ODT
102	133,6	DTL
103	166,0	ODT
108	133,5	ODT
110	160,0	ODT
113	178,7	ODT
114	163,9	ODT
115	141,6	ODT
117	81,2	ODT
118	154,9	ODT +CLN
121	80,7	ODT
122	157,0	ODT
123	164,8	ODT
126	163,7	ODT
127	153,4	ODT +CLN
128	140,3	ODT
129	110,7	ODT
130	165,7	ODT
132	147,1	ODT
133	67,8	ODT
134	164,4	ODT
135	154,5	ODT
136	135,7	ODT
140	173,8	ODT
143	169,7	ODT
146	162,9	ODT +CLN
155	867,3	ODT +CLN
164	261,8	CLN
166	248,8	ODT +CLN
167	193,6	ODT +CLN
168	284,6	ODT +CLN
169	302,1	ODT +CLN
181	853,1	ODT +CLN
184	252,8	ODT +CLN
185	1073,1	ODT +CLN
186	253,6	ODT +CLN
187	275,7	ODT +CLN
191	300,3	ODT
193	311,9	ODT +CLN
194	299,5	ODT +CLN
195	120,1	ODT
197	162,8	ODT +CLN
198	634,9	ODT +CLN
199	215,2	ODT +CLN
200	211,3	ODT +CLN
201	292,6	ODT +CLN
202	163,5	ODT +CLN
203	346,8	ODT +CLN
204	147,1	ODT +CLN
205	310,1	CLN
206	163,4	ODT +CLN
207	619,1	ODT +CLN
208	613,7	ODT +CLN
209	280,4	ODT +CLN
210	218,9	ODT +CLN
211	150,6	ODT +CLN
212	214,2	ODT +CLN
214	102,2	ODT +CLN
216	237,8	ODT +CLN
217	213,0	ODT +CLN
218	243,3	ODT +CLN
219	571,1	ODT +CLN
220	183,7	ODT +CLN
221	189,8	ODT +CLN
222	472,8	ODT +CLN
223	636,2	ODT +CLN
224	10,3	DGT
225	309,1	ODT +CLN
226	617,0	ODT +CLN
227	589,1	ODT +CLN
228	309,2	ODT
229	300,1	CLN
230	110,2	ODT +CLN
231	154,6	ODT +CLN
232	163,6	ODT +CLN
234	159,2	ODT +CLN
235	330,5	ODT +CLN
236	218,0	ODT +CLN
237	655,2	ODT +CLN
239	331,9	ODT +CLN
240	435,8	ODT +CLN
241	185,8	ODT +CLN
242	439,2	ODT +CLN
244	196,3	ODT +CLN
245	458,7	CLN
248	229,8	CLN
249	181,1	ODT +CLN
250	233,1	CLN
251	213,0	ODT +CLN
252	43,4	CLN
253	206,8	ODT +CLN
254	250,4	ODT +CLN
255	207,3	ODT +CLN
256	632,6	ODT +CLN
257	366,9	ODT +CLN
259	177,3	ODT +CLN
260	301,4	ODT +CLN
261	157,6	ODT +CLN
262	301,0	ODT +CLN
263	218,6	ODT +CLN
264	218,2	ODT +CLN
265	682,7	ODT +CLN
266	207,8	ODT +CLN
268	292,0	CLN
269	532,5	ODT +CLN
271	147,1	ODT +CLN
273	313,1	CLN
274	157,2	ODT +CLN
275	179,9	ODT +CLN
276	312,5	ODT +CLN
277	319,8	ODT +CLN
278	213,4	ODT +CLN
279	160,7	ODT +CLN
280	320,1	CLN
281	283,9	CLN
282	298,6	CLN
283	345,1	CLN
284	153,2	ODT +CLN
285	305,4	ODT +CLN
286	93,1	ODT
287	369,4	ODT +CLN
288	140,3	ODT +CLN
290	140,5	ODT +CLN
291	208,4	ODT +CLN
292	208,4	ODT +CLN
296	589,6	ODT +CLN
297	267,4	ODT +CLN
300	123,2	ODT
303	299,6	ODT +CLN
307	161,9	DGT
308	204,3	ODT +CLN
309	650,3	ODT +CLN
310	224,3	ODT
314	119,5	ODT +CLN
315	406,5	CLN
316	238,1	ODT +CLN
317	514,9	CLN
318	308,9	ODT +HNK
319	153,3	HNK
320	166,9	ODT +CLN
321	203,7	CLN
322	205,0	CLN
325	628,9	ODT +CLN
326	197,8	ODT +CLN
327	165,4	CLN
328	420,5	ODT +CLN
329	282,3	ODT +CLN
330	185,8	ODT +CLN
331	219,9	CLN
332	154,4	ODT +CLN
333	306,9	ODT +CLN
334	66,1	ODT
335	152,9	ODT +CLN
337	180,8	ODT +CLN
338	199,2	ODT +CLN
339	183,2	ODT +CLN
340	61,4	ODT
341	228,4	ODT +CLN
342	121,2	ODT +CLN
343	151,5	ODT
344	155,9	CLN
345	10,1	ODT
346	238,5	ODT +CLN
347	236,1	CLN
348	122,1	ODT +CLN
351	185,0	ODT +CLN
353	600,1	ODT +CLN
354	208,3	ODT +CLN
355	312,6	ODT +CLN
356	158,6	ODT +CLN
357	327,8	ODT +CLN
358	201,7	ODT +CLN
359	124,0	ODT
360	392,8	ODT +CLN
361	201,6	ODT +CLN
362	258,6	CLN
363	199,9	ODT +CLN
364	200,4	ODT +CLN
365	490,1	ODT +CLN
366	200,8	ODT +CLN
367	171,2	ODT +CLN
368	396,9	ODT +CLN
369	449,0	ODT +CLN
370	297,6	ODT +CLN
371	307,6	ODT +CLN
372	996,8	ODT +CLN
373	125,9	ODT
374	136,4	ODT +CLN
375	317,3	ODT +CLN
378	168,6	ODT +CLN
379	318,3	CLN
380	431,1	CLN
381	428,9	ODT +CLN
382	98,7	CLN
384	110,0	ODT +CLN
386	323,2	CLN
387	228,2	ODT +CLN
389	372,8	CLN
395	503,3	ODT +CLN
399	522,7	ODT +CLN
400	305,9	ODT +CLN
401	305,6	ODT +CLN
407	240,3	ODT +CLN
408	357,0	CLN
409	759,7	ODT +CLN
410	519,9	ODT +CLN
411	560,8	ODT +CLN
414	436,3	ODT +CLN
415	249,8	ODT +CLN
418	242,4	CLN
420	96,5	ODT +CLN
421	146,6	ODT +CLN
423	837,2	ODT +CLN
424	616,8	ODT +CLN
425	171,7	ODT +CLN
427	388,2	ODT +CLN
428	218,5	ODT +CLN
429	162,1	ODT +CLN
430	388,7	ODT +CLN
431	166,0	ODT +CLN
432	165,9	ODT +CLN
434	539,1	ODT +CLN
436	155,6	ODT +CLN
437	383,1	ODT +CLN
438	185,3	ODT +CLN
439	170,8	ODT +CLN
440	382,0	ODT +CLN
441	664,7	ODT +CLN
443	143,7	ODT +CLN
445	293,6	ODT +CLN
446	335,7	ODT +CLN
447	158,4	ODT +CLN
448	156,0	ODT +CLN
449	525,8	ODT +CLN
450	248,9	CLN
451	219,1	ODT +CLN
452	221,4	ODT +CLN
81	250,1	ODT
85	242,7	ODT
88	545,8	ODT +CLN
95	329,4	ODT +CLN
97	155,0	ODT +CLN
106	170,0	ODT +CLN
131	229,2	ODT +CLN
68	236,4	ODT
302	296,2	ODT +CLN
304	340,7	CLN
305	338,4	CLN
306	323,9	CLN
311	637,0	ODT +CLN
313	475,9	ODT +CLN
323	202,3	CLN
456	605,4	ODT +CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 6 (03) TỜ SỐ 21 (TỜ SỐ 21 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - **Xã Cam Lâm**

	21	22
23	24	25

TỜ SỐ 21

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 09

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																																																								
Diện tích																																																																								
Loại đất																																																																								

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025
335 596 - 6 (04) TỜ SỐ 22 (TỜ SỐ 22 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - **Xã Cam Lâm**

21	22	
24	25	

TỜ SỐ 22

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 34

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	
Diện tích	
Loại đất	

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 6 (06) TỜ SỐ 23 (TỜ SỐ 23 TT CAM ĐỨC CŨ)

		21
	23	24
	26	27

TỜ SỐ 23

GHI CHÚ
- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 110

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																																													
Diện tích																																																													
Loại đất																																																													

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 6 (07) TỜ SỐ 24 (TỜ SỐ 24 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

	21	22
23	24	25
26	27	28

TỜ SỐ 24

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHẦN KHU 3 : 1770.34 HA

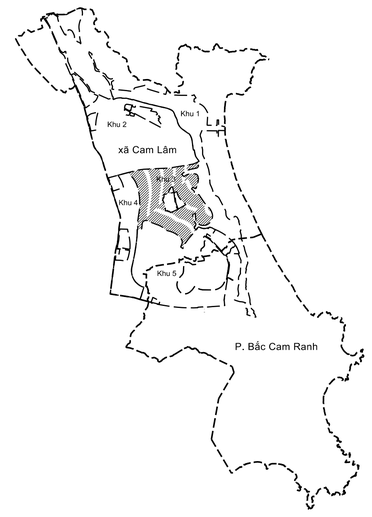

Ranh dự án

ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ.NHỰA

ĐƯỜNG TRƯƠNG VĨNH KÝ.NHỰA

đường bê tông

đường đất

giếng

Trường Tiểu học Cam Đức 1

N20

N21

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 57

Ghi chú các thửa đất nhỏ

| | | |

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 6 (08) TỜ SỐ 25 (TỜ SỐ 25 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

21	22	
24	25	33
27	28	34

TỜ SỐ 25

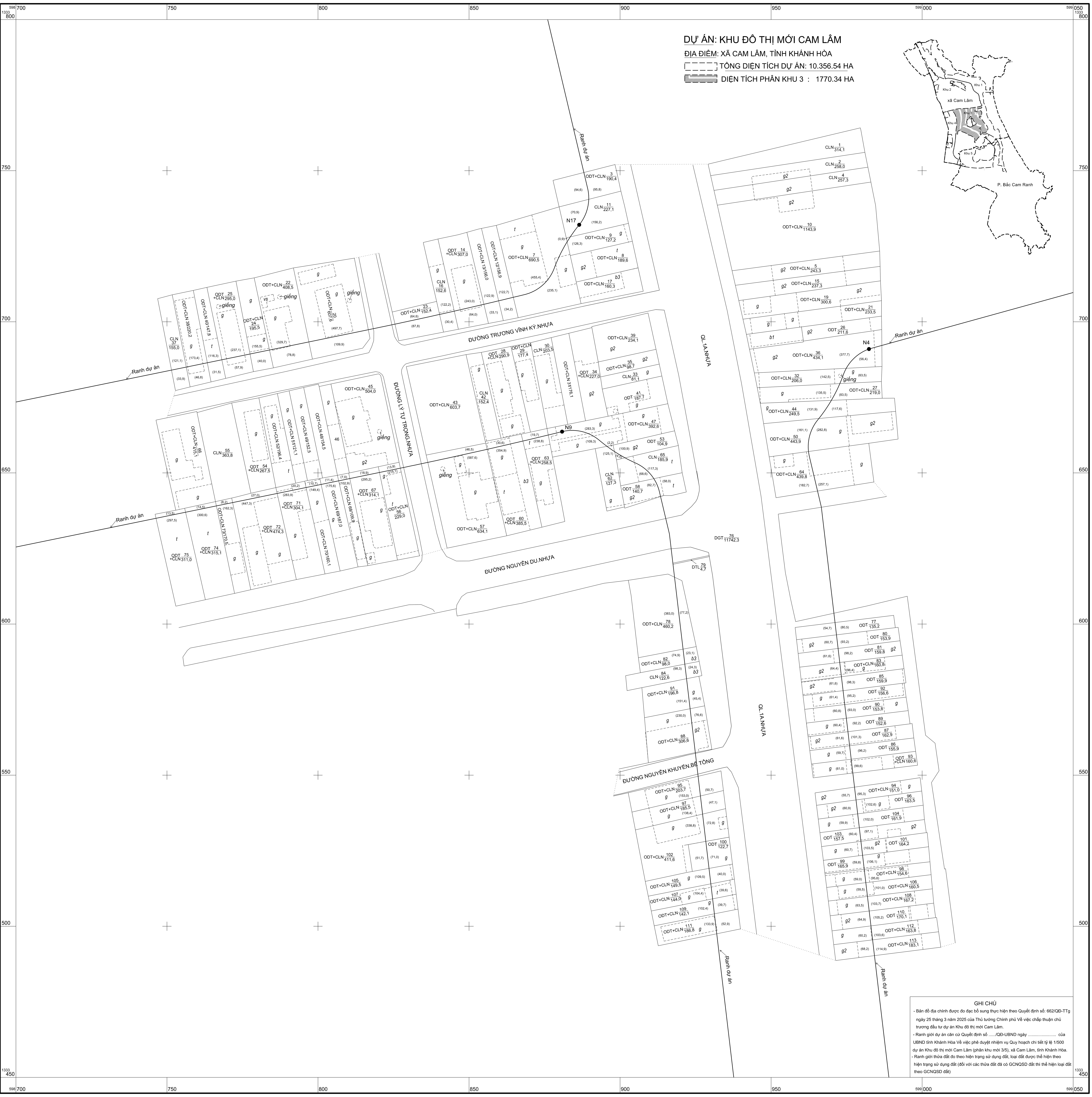

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 113

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	46
Diện tích	120,1
Loại đất	ODT +CLN

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 6 (12) TỜ SỐ 28 (TỜ SỐ 28 TT CAM ĐỨC CŨ)

24	25	33
27	28	34
30	31	36

TỜ SỐ 28

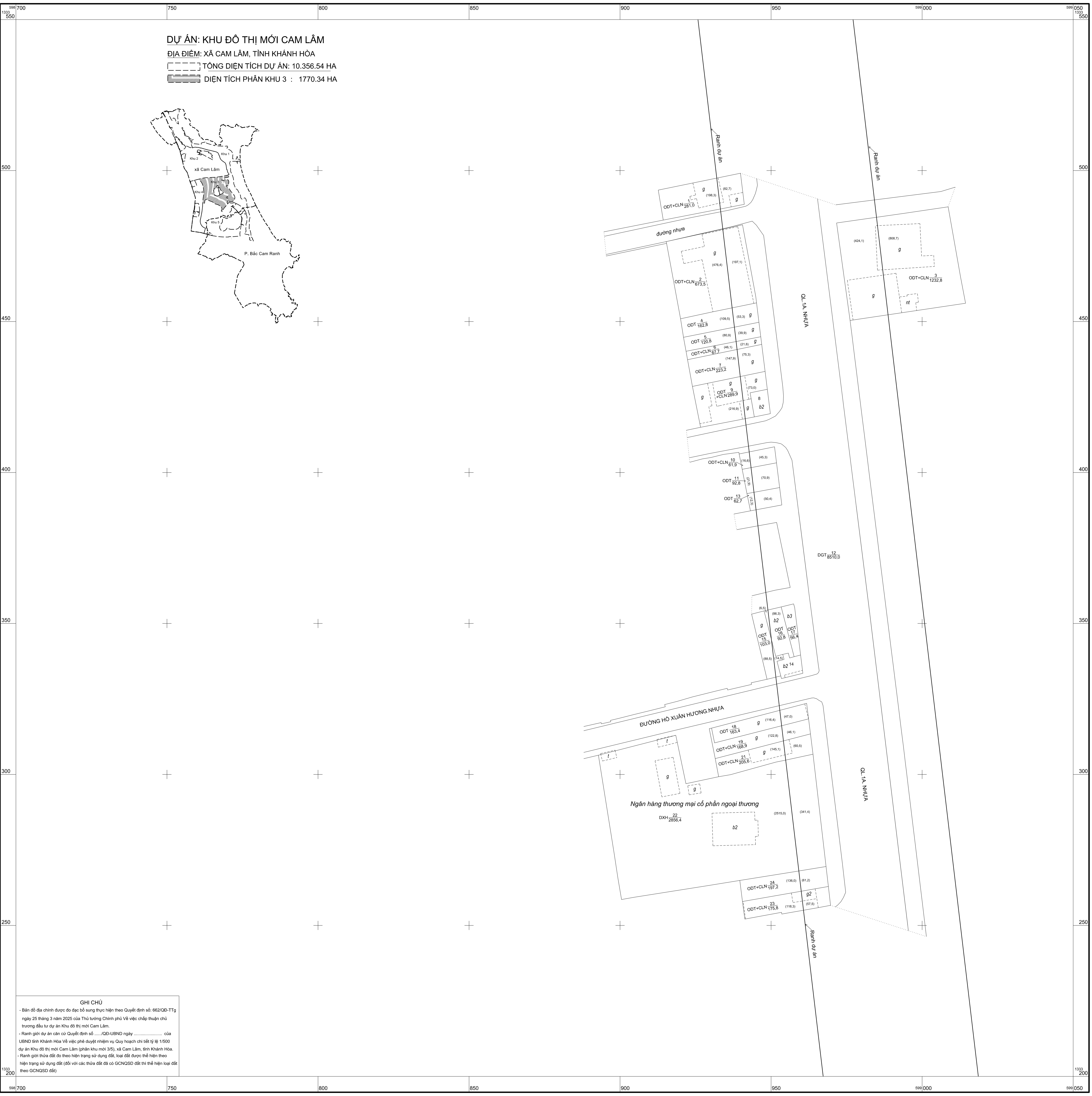

GHI CHÚ
- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 24

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	8	14
Diện tích	45,5	49,1
Loại đất	ODT +CLN	ODT

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025
335 596 - 6 (16) TỜ SỐ 31 (TỜ SỐ 31 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - **Xã Cam Lâm**

	28	34
	31	36
	46	51

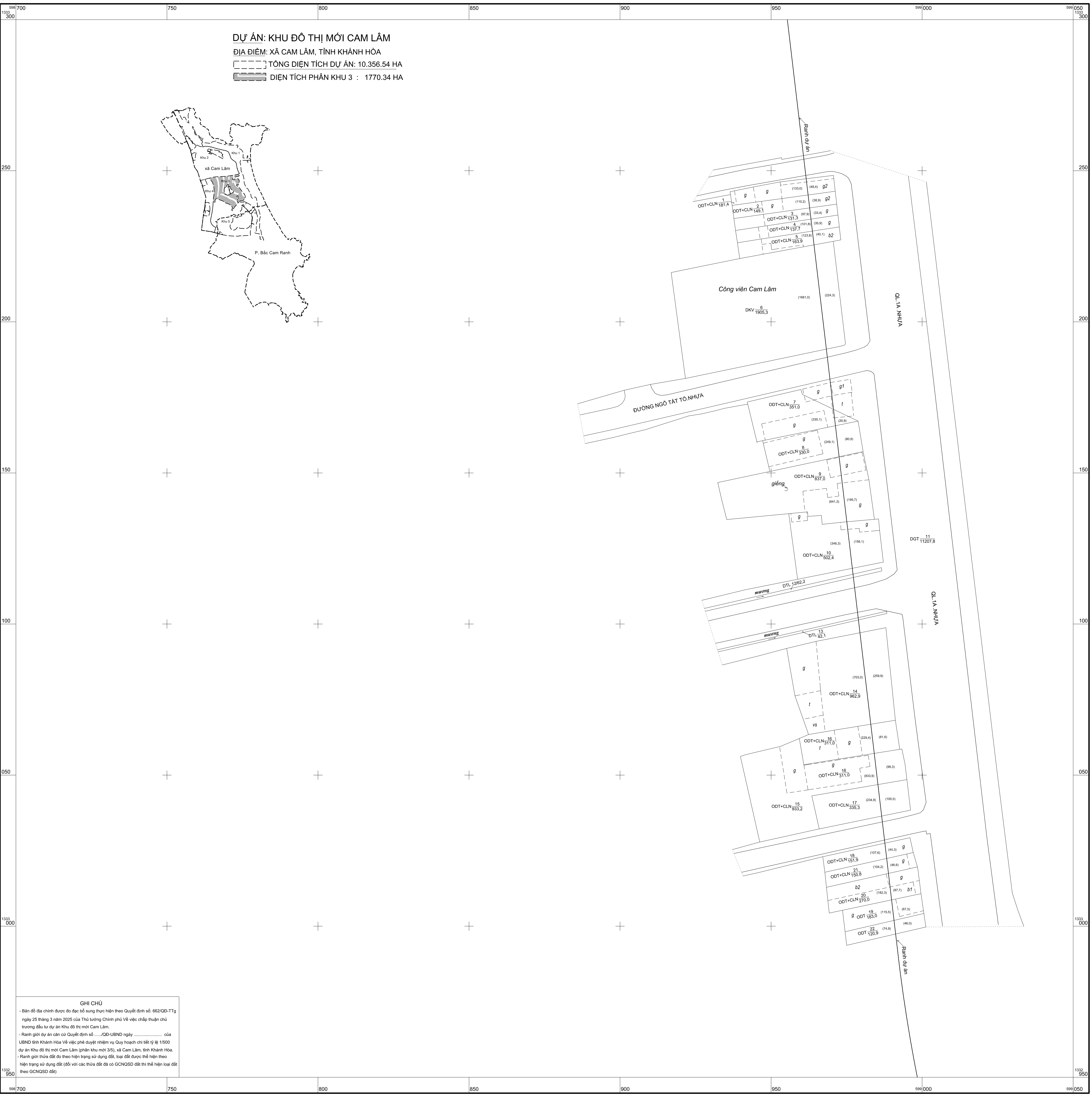

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500
1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa
10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 22

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																		
Diện tích																																		
Loại đất																																		

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 4 TỜ SỐ 32 (TỜ SỐ 32 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

12	15	16
20	32	38
43	50	56

TỜ SỐ 32

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 870

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	10	18	23	26	30	35	36	41	46	47	51	64	68	74	81	83	87	90	92	94	97	99	101	104	106	109	110	111	112	113	114	115	118
Diện tích	265,2	388,0	387,2	330,0	281,3	638,0	1025,9	328,4	477,7	403,6	34,3	508,4	353,5	534,8	460,6	110,0	518,5	208,9	409,8	221,2	163,1	789,5	162,6	420,9	198,3	292,9	243,9	1191,5	52,3	211,5	115,8	234,5	334,6
Loại đất	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	121	122	125	127	128	129	130	131	134	140	141	142	143	145	146	147	151	152	153	154	156	157	159	160	162	163	164	165	167	169	170	172	173	174	175	178	179
Diện tích	256,4	1329,6	262,5	389,3	295,7	242,0	173,0	293,6	281,0	238,4	268,0	217,2	202,7	212,2	570,4	116,7	86,0	490,7	83,8	226,8	821,7	81,8	91,9	79,7	190,9	400,9	101,3	85,6	133,0	140,5	105,2	243,0	309,3	330,1	311,2	250,0	244,1
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ONT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ONT +CLN	ODT	CLN	ONT +CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	CLN	HNK	CLN

Thửa số	180	181	183	184	185	186	187	189	190	192	194	196	197	198	199	201	202	204	206	210	211	212	213	214	215	216	217	219	220	222	226	231	232
Diện tích	996,1	96,9	95,3	93,5	113,6	241,8	300,6	104,5	145,3	266,5	86,3	85,6	200,0	85,2	85,2	142,8	85,2	85,2	85,2	1068,0	101,6	264,4	77,0	503,3	77,7	90,3	78,5	456,5	79,3	80,1	366,6	110,5	113,1
Loại đất	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	234	235	237	238	239	242	243	244	245	246	248	249	250	252	253	256	257	258	259	260	261	262	264	265	266	267	268	269	270	271	271	273	274	275	276	277	280
Diện tích	116,3	151,0	1165,0	1164,3	372,6	249,1	678,9	1388,1	461,5	251,2	255,8	882,1	285,9	881,7	481,8	148,8	88,5	511,9	516,6	180,6	195,7	297,0	437,2	279,1	123,3	253,3	64,6	575,9	239,9	464,6	224,2	291,9	367,2	122,3	364,8	291,0	372,0
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	282	284	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	297	298	299	300	301	302	303	306	307	308	309	310	312	315	316	317	318	319	320	321	326
Diện tích	220,3	497,0	665,7	193,2	220,7	584,1	157,9	170,6	979,3	164,7	172,3	294,9	152,3	181,1	170,4	218,6	551,0	246,4	273,2	300,7	197,5	236,4	464,2	237,1	647,7	729,7	436,2	223,6	298,5	937,7	231,0	196,4	217,3
Loại đất	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	CLN

Thửa số	327	328	329	330	331	333	334	335	336	337	340	341	343	344	346	347	350	351	352	353	354	355	356	357	358	359	360	361	362	364	365	366	367	368	369	370	371
Diện tích	139,7	196,8	165,4	187,3	150,6	366,6	298,1	499,8	220,9	207,2	189,1	223,0	241,5	383,0	113,3	184,5	218,6	270,3	100,2	186,0	172,0	138,5	127,0	334,7	122,1	305,4	415,2	213,7	277,0	127,2	136,6	140,3	490,4	147,4	139,3	146,6	222,0
Loại đất	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN

Thửa số	372	373	376	377	378	379	380	382	383	384	385	386	388	389	392	393	396	397	399	402	404	405	406	407	408	409	410	412	413	415	419	420	422
Diện tích	150,4	176,5	156,5	443,5	229,0	193,5	1197,7	129,3	591,5	147,1	464,0	146,8	783,2	155,3	146,5	123,6	260,5	268,8	247,9	158,6	146,6	126,6	318,7	178,6	135,9	146,9	167,5	132,8	146,9	164,8	129,8	244,9	164,4
Loại đất	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN

Thửa số	421	424	425	429	431	432	433	434	435	436	437	438	440	441	443	445	448	449	451	456	457	458	459	460	461	462	463	466	467	469	473	475	476	477	478	479	480
Diện tích	146,7	161,6	742,4	112,6	162,3	125,3	127,1	94,6	116,6	147,0	139,0	263,5	503,2	121,5	100,0	152,8	172,6	328,2	491,6	330,5	204,5	170,4	287,7	266,0	476,2	316,8	278,0	821,8	172,0	1589,6	116,9	303,1	174,6	164,5	170,2	249,4	141,7
Loại đất	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	HNK	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN

Thửa số	483	484	486	487	488	490	492	493	494	496	498	500	501	502	503	504	505	506	507	508	509	510	511	512	513	515	516	517	518	519	521	528	530
Diện tích	499,6	308,3	202,9	200,3	143,1	151,7	110,0	311,0	202,3	149,9	97,8	112,9	517,1	89,0	96,0	95,8	296,8	237,2	156,3	176,9	176,6	352,2	201,5	143,6	140,1	155,6	219,9	131,9	344,8	111,5	368,0	537,3	865,1
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	532	533	538	541	543	544	545	547	548	549	552	557	558	559	560	561	563	566	567	568	569	570	571	572	573	575	576	577	578	581	582	586	587	588	589	590	591
Diện tích	1069,4	75,9	76,6	77,3	527,3	478,8	79,5	78,8	125,6	78,1	161,2	150,1	270,8	405,2	225,2	370,7	444,3	186,4	188,8	300,1	123,1	122,2	263,3	145,5	164,1	120,2	226,3	125,0	228,5	150,9	135,7	210,3	103,8	76,7	93,0	134,1	89,6
Loại đất	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	DTL	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT	ODT

Thửa số	592	593	595	596	598	600	601	602	603	605	607	609	611	612	613	614	617	621	623	624	626	627	630	632	633	634	635	637	642	643	644	645	648
Diện tích	278,5	239,9	186,0	74,8	256,9	160,7	209,6	379,3	220,0	209,9	214,6	219,3	446,7	208,7	211,2	199,5	824,9	537,6	1957,3	1006,0	383,6	439,0	702,3	170,4	1104,8	363,8	176,0	231,4	1453,6	212,1	125,4	107,0	145,8
Loại đất	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	ODT

Thửa số	649	651	652	654	655	656	657	658	667	669	670	675	676	678	684	686	688	690	692	693	702	703	705	707	708	710	714	718	719	721	722	723	724	725	726	727	729
Diện tích	902,9	108,2	191,9	117,1	197,5	326,4	232,3	432,8	216,1	215,0	149,9	209,9	735,5	299,7	150,0	200,5	95,7	367,2	75,8	296,6	437,7	249,7	590,4	231,6	306,2	197,1	424,2	195,7	200,8	445,7	219,1	165,0	248,5	155,7	730,9	250,8	203,8
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT	ODT +CLN	DGT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	NTS	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	737	738	739	742	743	744	745	755	757	761	767	768	769	770	771	772	774	780	781	783	786	787	788	795	796	799	800	803	807	808	811	813	814
Diện tích	233,0	211,2	271,5	226,6	209,0	217,6	209,8	128,3	441,6	249,4	132,6	1336,7	210,2	317,6	180,1	165,6	259,6	446,9	469,6	341,1	91,8	51,1	315,6	327,3	478,8	2381,4	558,0	787,6	110,6	512,2	747,7	208,8	209,2
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	DGT	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	CLN

Thửa số	817	818	821	824	826	827	828	829	830	831	832	833	834	835	837	838	839	844	845	847	848	849	850	851	860	861	862	866	867	871	875	876	877	878	885	888	
Diện tích	200,0	315,6	137,7	168,4	101,0	23,1	462,2	216,7	215,1	210,0	233,8	224,0	211,8	860,3	244,5	322,1	164,5	280,4	158,6	181,3	203,2	208,9	215,3	228,0	290,6	503,3	289,7	426,0	141,1	333,1	99,5	398,0	90,5	138,4	64,4	267,9	
Loại đất	CLN	ONT +CLN	CLN	ODT +CLN	DGT	DGT	ODT +CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	ODT +CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ONT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 4 (09) TỜ SỐ 34 (TỜ SỐ 34 TT CAM ĐỨC CŨ)

25	33	
28	34	
31	36	37

TỜ SỐ 34

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 62

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số									
Diện tích									
Loại đất									

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 4 (10) TỜ SỐ 35 (TỜ SỐ 35 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

34	35	
36		

TỜ SỐ 35

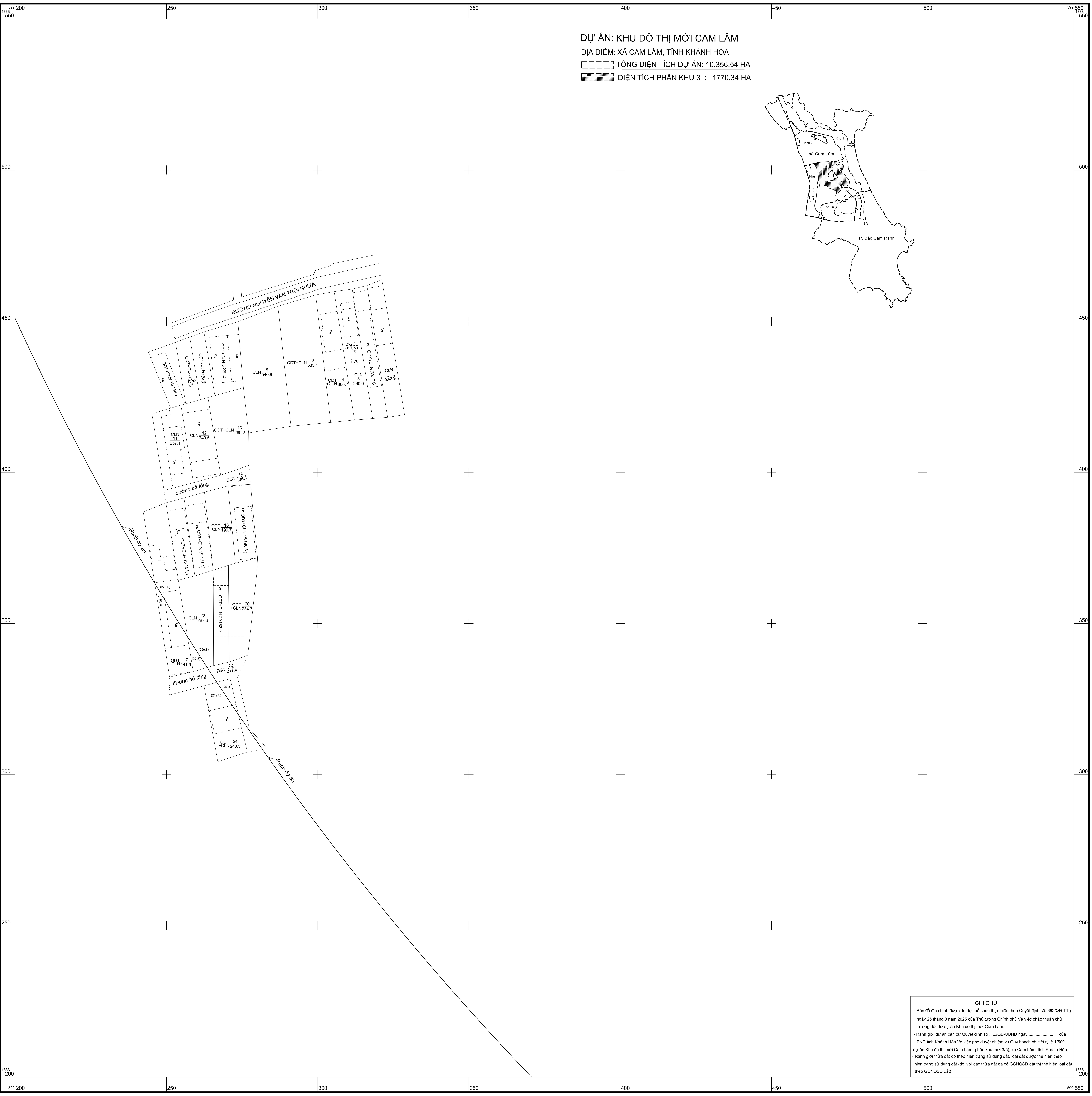

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 24

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																		
Diện tích																																		
Loại đất																																		

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 4 (13) TỜ SỐ 36 (TỜ SỐ 36 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

28	34	35
31	36	37
46	51	

TỜ SỐ 36

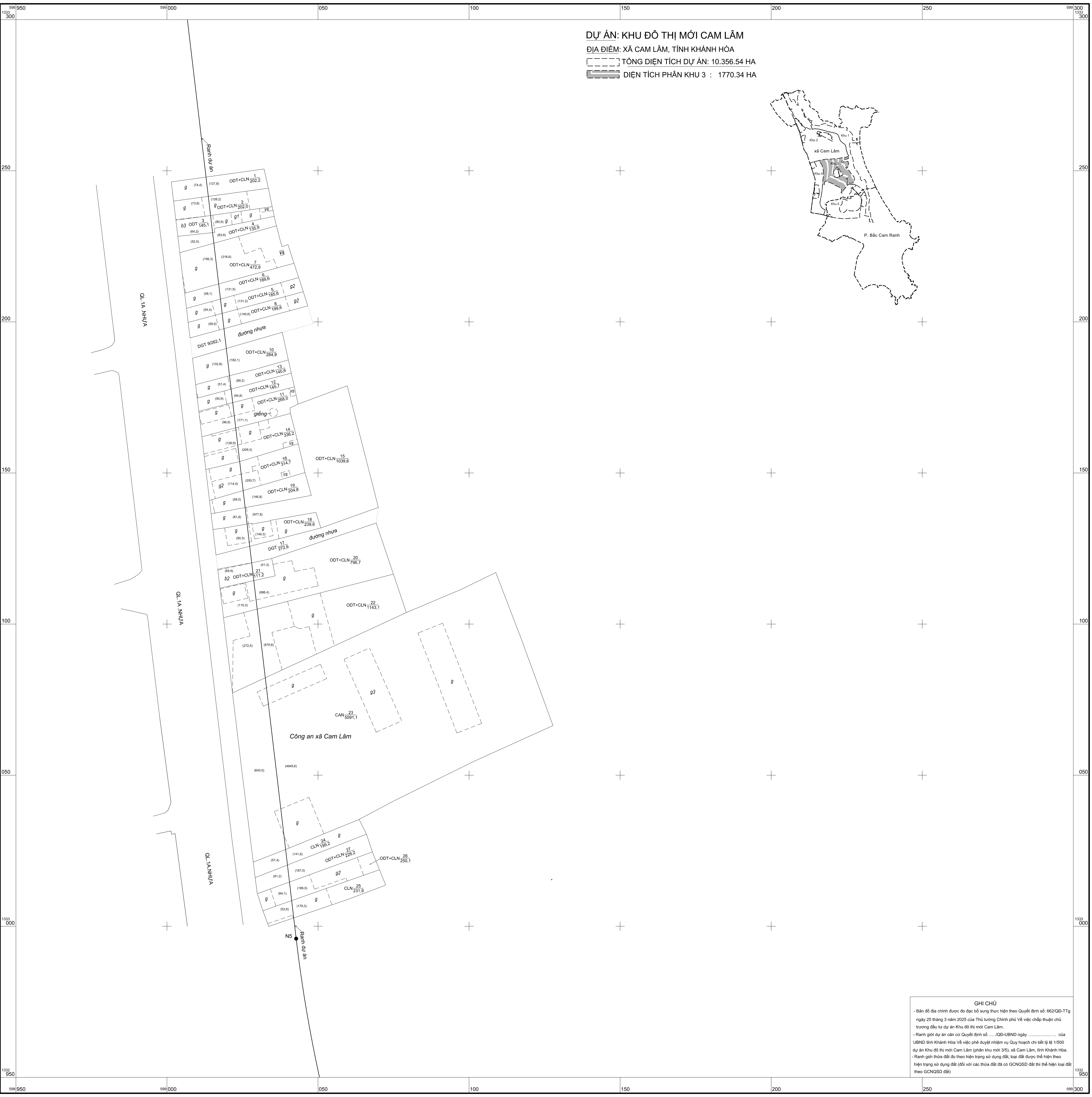

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 27

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																				
Diện tích																				
Loại đất																				

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 5 TỜ SỐ 38 (TỜ SỐ 38 TT CAM ĐỨC CŨ)

15	16	
32	38	
50	56	57

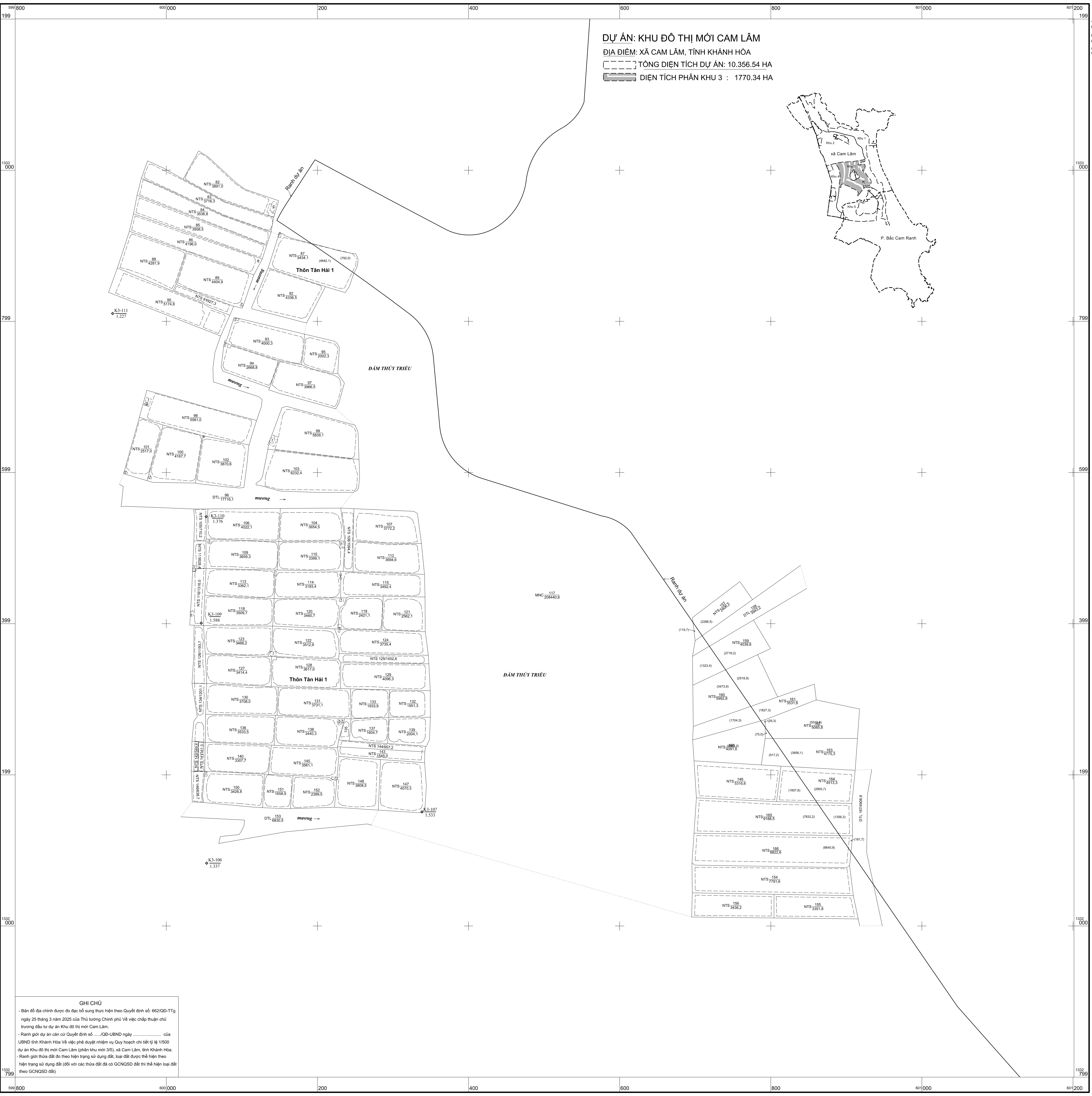

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 87

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	135
Diện tích	326,6
Loại đất	NTS

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025
335 599 - 6 TỜ SỐ 39 (TỜ SỐ 39 TT CAM ĐỨC CŨ)

16		
38	39	
56	57	

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000
1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa
40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 2

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																																																								
Diện tích																																																																								
Loại đất																																																																								

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 7 TỜ SỐ 41 (TỜ SỐ 41 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

	18	19
	41	42
	53	54

TỜ SỐ 41

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 215

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	11	226	227	230
Diện tích	143,6	61,0	291,7	101,3
Loại đất	LUK	HNK	LUK	LUC

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 8 TỜ SỐ 42 (TỜ SỐ 42 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

18	19	20
41	42	43
53	54	164

TỜ SỐ 42

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

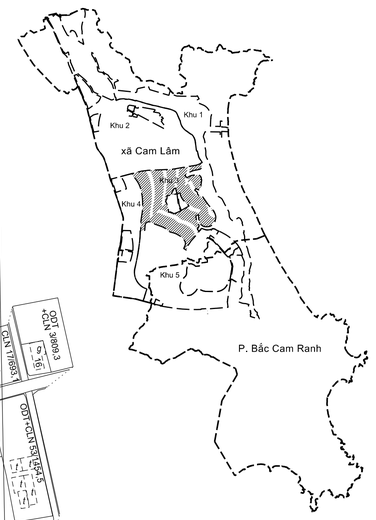

Thôn Nghĩa Trung

Thôn Nghĩa Nam

Nghĩa trang Giáo sứ Hòa Nghĩa
NTD 34181,7

HLAT lưới điện 110kV

K3-75 20,723

K3-76 20,770

K3-79

K3-80 13,738

K3-81 18,154

DGT 46 7226,6

DGT 225 57707,6

DGT 290 1541,3

DGT 459 1715,4

DGT 482 225,2

DGT 333 987,9

DGT 426 498,2

ĐTL 128 275,3

ĐTL 173 768,1

ĐTL 397 8794,3

LUC 123 1193,9

LUC 170 693,3

LUC 270 426,0

LUK 136 183,9

LUK 139 579,5

LUK 178 329,8

LUK 189 372,7

LUK 199 1281,0

LUK 245 514,1

LUK 283 1233,3

LUK 295 1461,9

LUK 318 1055,9

LUK 324 509,1

LUK 346 721,7

LUK 355 1403,0

LUK 362/293,5

LUK 400 194,9

LUK 420 788,6

LUK 423 198,0

LUK 457 93,8

LUK 503,4

LUK 480 3534,1

LUK 486 679,1

LUK 488 718,6

LUK 492 1374,2

LUK 494 4207,0

LUK 496 8761,5

LUK 498 2150,3

LUC 337 1097,9

LUC 366 1050,2

LUC 384 858,8

LUC 401 648,5

LUC 413 584,4

LUC 415/493,8

LUC 421 174,0

LUC 425 873,7

LUC 435 760,5

LUC 454 333,0

LUC 541,7

LUC 760,5

LUC 369 1075,3

LUC 377 384,4

LUC 305 1130,4

LUC 305 574,4

LUC 289/329,9

LUC 286 171,7

LUC 270 426,0

LUC 257 764,1

LUC 262 1634,6

LUC 255 1463,6

LUC 247 533,8

LUC 264 351,0

LUC 261 412,6

LUC 260 514,6

LUC 307 1472,3

LUC 297 297,1

LUC 354 1805,4

LUC 351 1073,2

LUC 342/1568,8

LUC 327 297,1

LUC 305 574,4

LUC 305 1130,4

LUC 289/329,9

LUC 262 1634,6

LUC 255 1463,6

LUC 247 533,8

LUC 264 351,0

LUC 261 412,6

LUC 260 514,6

LUC 257 764,1

LUC 270 426,0

LUC 286 171,7

LUC 280 570,0

LUC 307 1472,3

LUC 320 561,0

LUC 351 1073,2

LUC 354 1805,4

LUC 362/293,5

LUC 369 1075,3

LUC 377 384,4

LUC 379 693,5

LUC 384 858,8

LUC 386 1363,8

LUC 401 648,5

LUC 413 584,4

LUC 415/493,8

LUC 421 174,0

LUC 425 873,7

LUC 435 760,5

LUC 454 333,0

LUC 541,7

LUC 379,8

HLAT lưới điện 110kV

mương

giếng

đường đất

đường bê tông

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 499

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	10	16	20	21	22	41	44	67	68	82	88	90	110	125	131	146	152	154	155	157	159	167	182	190	192	210	213	215	218	229	230	235	251	259	265	269	271	300	306	308	329	332	359	368	417	439	452	79	86
Diện tích	159,6	232,6	423,7	170,5	166,0	625,1	562,5	304,6	308,0	256,7	268,3	273,6	289,4	306,2	110,9	206,5	793,6	29,1	334,9	167,2	166,7	361,8	380,4	328,1	327,8	159,3	208,5	583,9	328,0	897,8	305,1	384,8	561,0	155,1	258,6	101,9	258,6	121,1	40,7	150,3	280,2	536,0	50,5	68,8	90,7	148,3	349,5	237,4	262,2
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	HNK	CLN	CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	LUK	LUK	ODT +CLN	DNL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	HNK	ODT +CLN	CLN	LUC	LUK	CLN	LUC	HNK	NTS	NTS	LUK	LUC	DNL	NTS	CLN	LUK	LUK	CLN	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 9 TỜ SỐ 43 (TỜ SỐ 43 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

19	20	32
42	43	50
54	164	165

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 253

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	6	10	12	13	15	16	17	18	23	24	25	26	28	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
Diện tích	225,3	221,9	143,5	202,8	425,7	389,9	240,0	596,1	159,1	120,6	820,8	101,9	352,0	233,6	234,0	477,0	61,5	463,8	300,4	295,5	211,8	374,4	155,5
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	DTL	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	40	43	44	45	46	47	48	49	50	51	53	54	55	56	57	58	60	62	63	64	67	68	70
Diện tích	375,4	407,3	134,3	363,5	136,3	138,3	319,0	198,1	118,3	105,1	303,7	368,0	271,9	287,5	112,7	435,4	77,8	494,5	153,4	311,1	619,1	316,3	71,5
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT	CLN	ODT +CLN	CLN	DTL

Thửa số	72	73	74	75	77	78	79	80	81	82	84	86	87	88	90	91	92	93	94	95	97	98	99
Diện tích	60,6	524,5	439,4	232,3	180,9	671,6	209,0	207,8	394,2	330,9	332,0	376,0	164,5	324,8	155,0	102,7	457,6	260,3	173,7	188,6	185,4	79,3	174,7
Loại đất	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT

Thửa số	101	102	103	104	105	106	109	110	111	118	119	120	123	124	127	129	130	131	132	133	134	135	136
Diện tích	155,1	174,7	158,4	291,1	142,6	140,5	600,7	156,7	154,6	189,9	455,8	303,7	59,4	353,6	192,0	213,9	198,4	157,6	168,8	105,1	273,2	706,9	253,3
Loại đất	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	137	138	139	140	141	142	144	146	147	148	149	150	151	153	154	155	157	158	159	160	161	162	163
Diện tích	192,8	430,3	360,8	331,9	337,4	199,4	667,9	329,8	166,8	369,8	151,1	90,9	204,4	151,1	221,4	294,8	170,6	221,7	631,7	319,7	231,5	300,1	333,8
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	165	166	167	168	169	170	171	172	174	175	176	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	190	192
Diện tích	327,7	174,4	19,6	457,0	67,8	179,5	328,9	145,5	145,2	170,5	230,6	121,7	39,8	161,9	230,1	117,7	419,6	178,5	148,1	172,9	118,5	112,6	196,1
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN

Thửa số	193	194	195	196	197	198	199	200	202	203	205	207	208	209	211
Diện tích	312,2	621,2	437,6	262,9	125,9	305,2	512,7	391,7	194,2	638,0	138,6	56,2	422,5	667,2	28,4
Loại đất	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	DTL

Thửa số	212	213	215	217	219	222	224	225	226	228	230	231	232	245
Diện tích	79,4	611,9	190,4	144,6	1037,0	20,8	250,3	114,9	151,0	265,6	199,3	344,1	127,5	76,9
Loại đất	DTL	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	ODT +CLN	BCS	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT +CLN	ODT	BCS	HNK

30	31	36
45	46	51
48	49	

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 9 (04) (03) TỜ SỐ 46 (TỜ SỐ 46 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - **Xã Cam Lâm**

TỜ SỐ 46

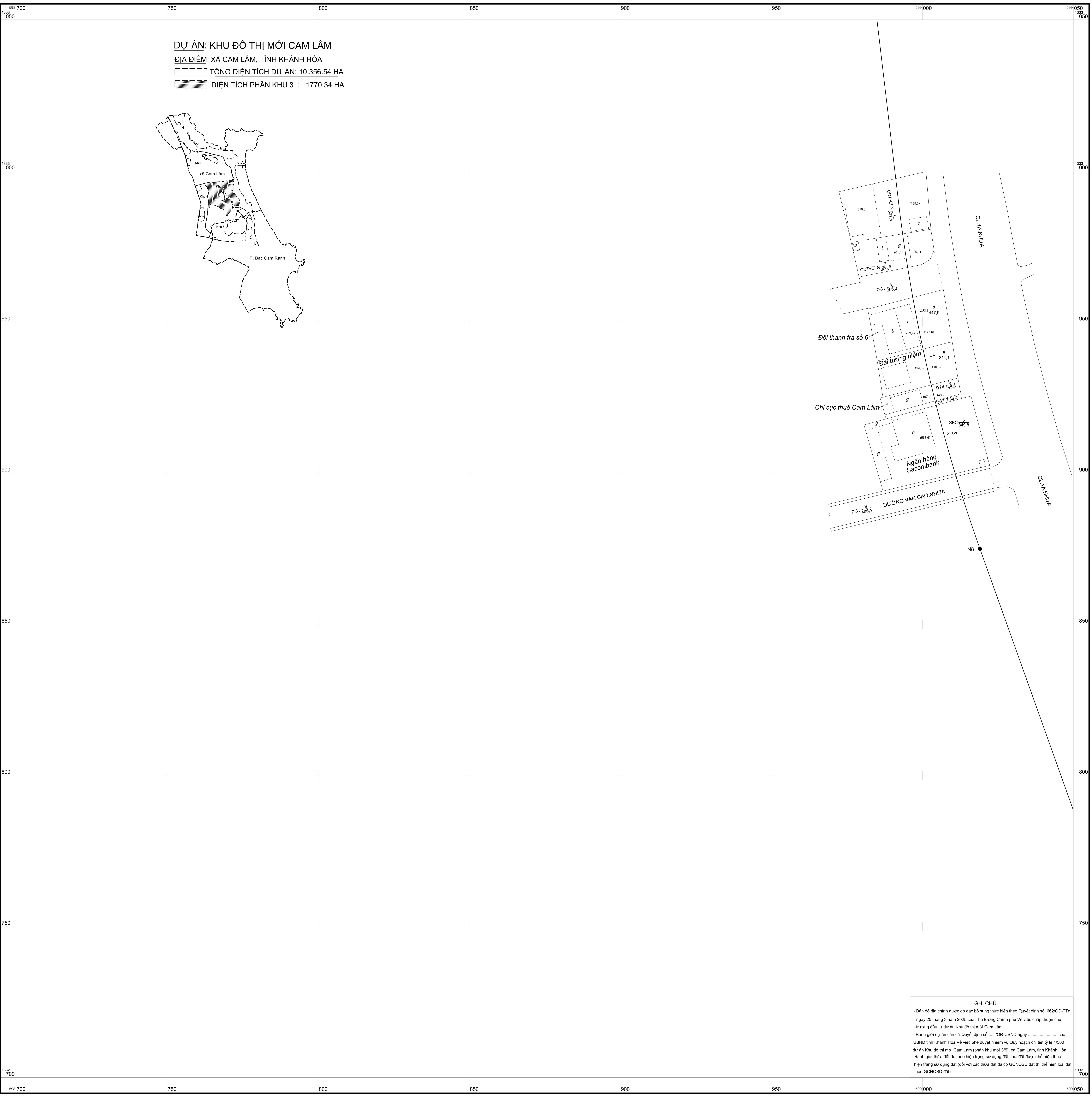

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 09

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	
Diện tích	
Loại đất	

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025
335 599 - 7 TỜ SỐ 50 (TỜ SỐ 50 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

20	32	38
43	50	56
164	165	167

TỜ SỐ 50

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 4

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																			
Diện tích																																			
Loại đất																																			

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 7 (01) TỜ SỐ 51 (TỜ SỐ 51 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

31	36	37
46	51	
49		

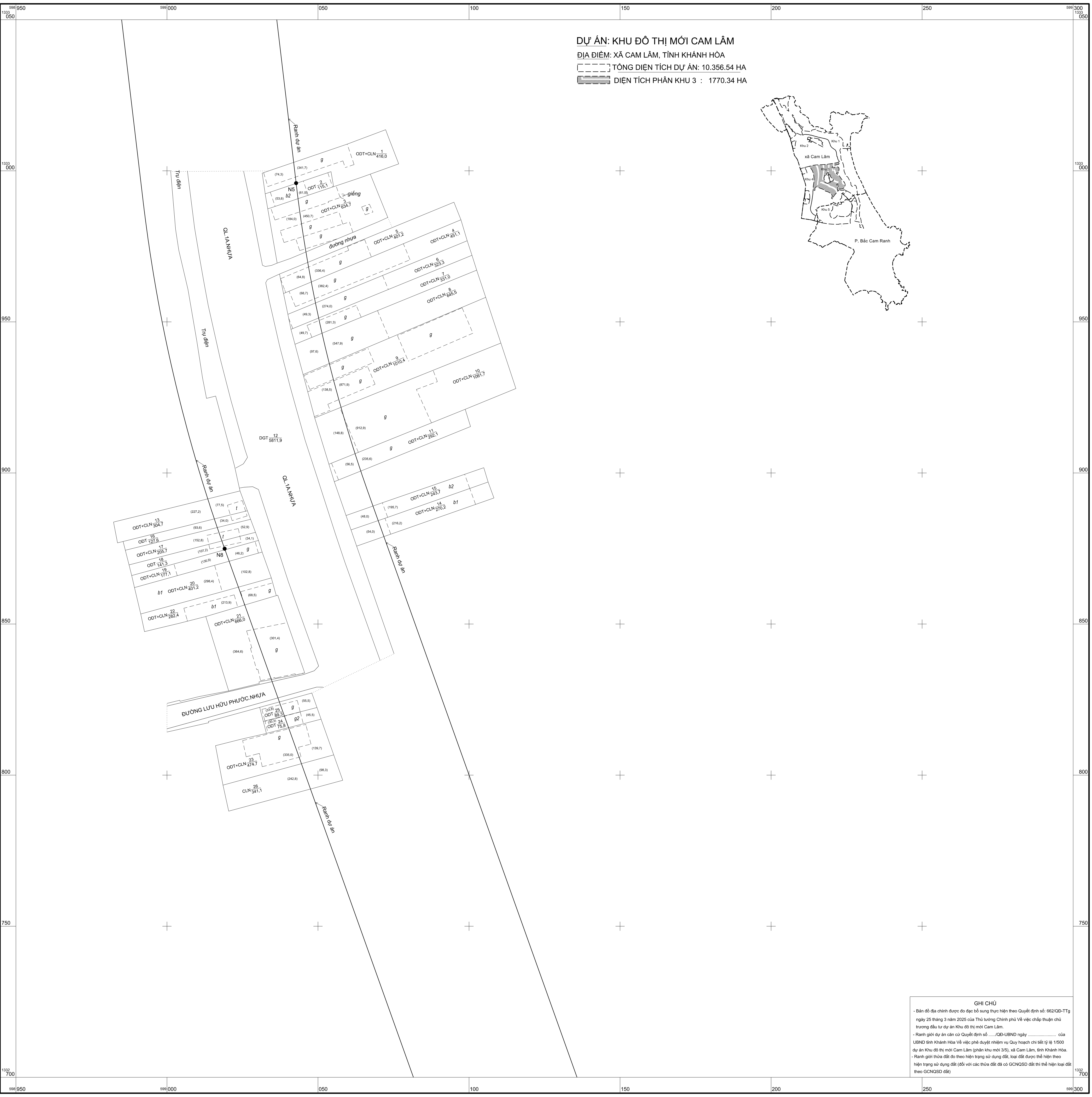

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

10m 5 0 10 20 30 40m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 26

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																																																								
Diện tích																																																																								
Loại đất																																																																								

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 596 - 1 TỜ SỐ 53 (TỜ SỐ 53 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

	41	42
	53	54

TỜ SỐ 53

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 141

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	44	45	126
Diện tích	191,7	211,2	96,0
Loại đất	HNK	HNK	DNL

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025
332 596 - 2 TỜ SỐ 54 (TỜ SỐ 54 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - **Xã Cam Lâm**

41	42	43
53	54	164
		175

TỜ SỐ 54

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 15

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																			
Diện tích																																			
Loại đất																																			

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 8 TỜ SỐ 56 (TỜ SỐ 56 TT CAM ĐỨC CŨ)

32	38	
50	56	57
165	167	171

TỜ SỐ 56

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

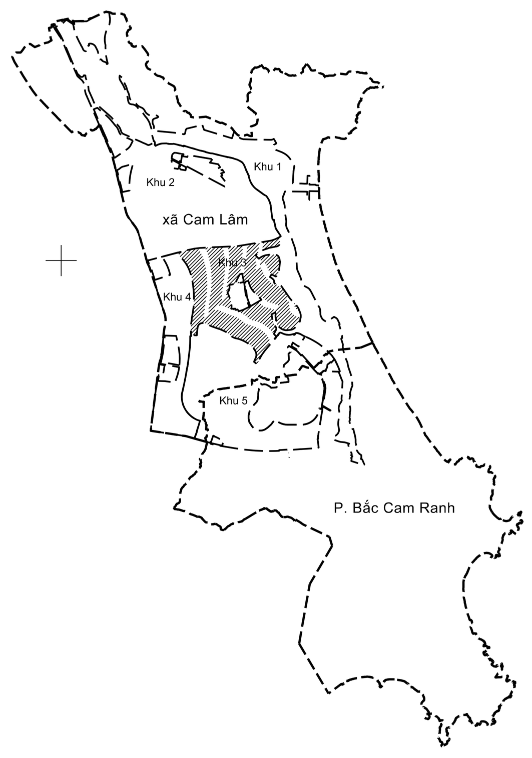

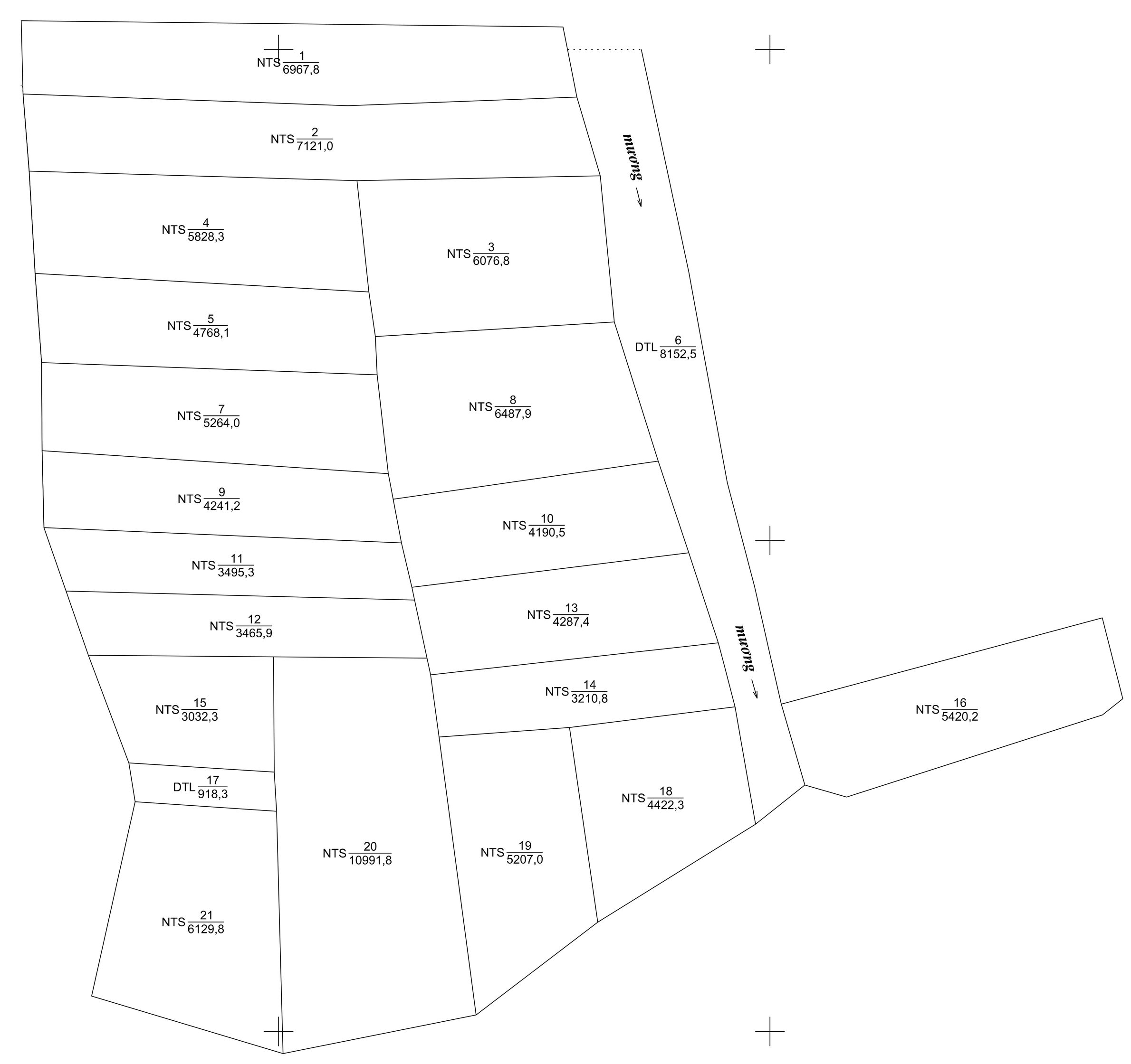

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2019.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
Ngày .... tháng .... năm 2025
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 21

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số									
Diện tích									
Loại đất									

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025
335 599 - 9 TỜ SỐ 57 (TỜ SỐ 57 TT CAM ĐỨC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

38	39	
56	57	
167	171	

TỜ SỐ 57

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2019.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000
1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa
40m 20 0 40 80 120 160m

Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
Ngày .... tháng .... năm 2025
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 7

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số					
Diện tích					
Loại đất					

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 4 TỜ SỐ 154 (TỜ SỐ 01 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - **Xã Cam Lâm**

12	15	16
20	154	38
43	50	56

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 198

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	3	4	5	6	7	15	16	17	18	20	22	26	29	30	31	36	39	41	45	47	49	51	53
Diện tích	257,0	327,3	122,6	100,0	117,5	96,8	117,1	254,8	110,0	102,0	114,1	301,1	110,0	226,4	273,2	321,8	107,1	111,1	110,0	460,9	272,8	112,3	218,1
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT

Thửa số	54	57	58	59	60	61	62	65	67	68	71	74	77	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94
Diện tích	130,1	110,0	120,1	91,7	110,0	123,0	103,2	110,0	126,0	279,0	95,8	93,2	108,3	140,6	208,8	92,2	71,8	72,0	72,2	72,5	72,7	72,9	73,1
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	95	96	97	98	99	100	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	117	118	119	122
Diện tích	73,4	73,6	73,8	118,9	74,0	74,2	88,2	74,5	74,7	85,4	134,2	82,6	79,8	388,7	209,0	77,0	102,3	74,2	71,4	88,0	118,1	99,9	106,2
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	123	125	126	127	128	130	131	132	133	134	135	136	137	139	140	141	142	144	145	146	147	149	150	152	153	154
Diện tích	95,9	90,0	101,5	149,9	80,0	102,2	127,7	109,3	91,4	90,0	80,0	146,7	98,2	127,1	80,0	99,4	90,0	177,1	227,7	85,4	83,9	80,0	229,4	90,0	139,3	82,8
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT

Thửa số	155	156	157	158	159	162	163	165	166	167	168	170	171	174	175	177	178	180	184	185	187	189	193	194	196	198
Diện tích	229,0	80,0	89,2	80,0	146,5	90,0	81,5	80,0	91,0	90,0	105,1	80,0	94,1	90,0	81,3	79,3	85,6	130,0	211,1	84,3	120,6	149,9	277,4	236,8	77,5	166,5
Loại đất	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 8 TỜ SỐ 155 (TỜ SỐ 02 CAM THÀNH BẮC CŨ)

18	19	20
41	155	156
53	163	164

TỜ SỐ 155

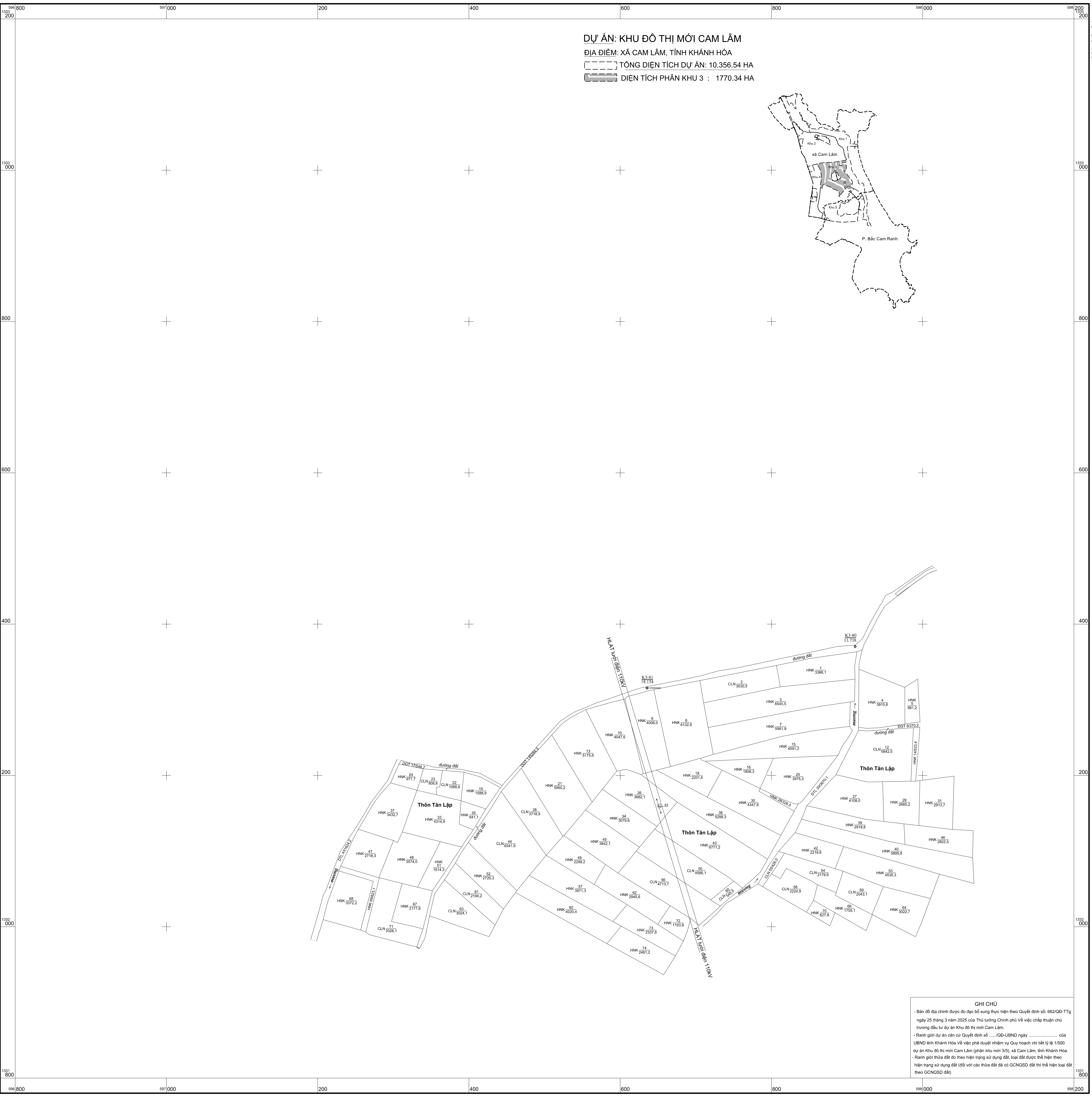

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 74

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	32
Diện tích	20,7
Loại đất	DNL

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 596 - 9 TỜ SỐ 156 (TỜ SỐ 03 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

19	20	154
155	156	157
163	164	165

TỜ SỐ 156

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

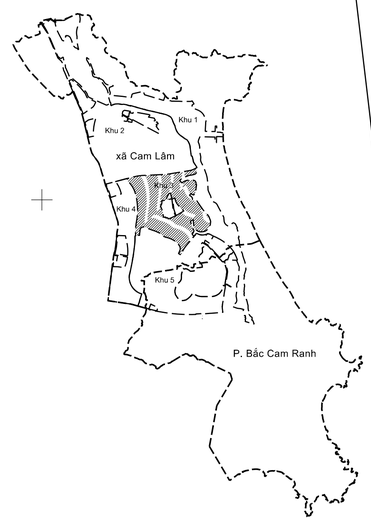

Ranh dự án

Thôn Tân Lập

kênh chính nam

HLAT lưới điện 110kV

K3-80 13.738

K3-89 25.065

K3-88 27.059

K3-90

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 357

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	26	27	30	31	35	36	40	42	44	45	46	48	49	50	53	58	59	61	63	72	77	80	81	83	94	95	98	105	106	110	112	127	133	139	142	146	148	149	152	155	160	169	174	175	177	178	179	180	182	183	184	186	187	190	194	197	198	203	207	208	209	210	212	215	218	219	220	221	222
Diện tích	203,8	186,0	649,5	122,1	336,0	121,2	208,3	122,9	359,0	182,2	123,8	268,9	136,7	124,7	125,5	323,4	126,4	252,2	82,4	128,1	127,3	363,1	36,5	124,9	426,2	400,4	205,0	217,6	151,5	1090,0	60,0	200,4	264,1	204,3	187,0	195,6	67,2	173,0	122,7	218,8	244,6	610,9	310,0	608,3	255,9	100,0	121,4	127,2	130,4	142,2	202,3	141,7	723,9	525,0	40,4	629,7	100,0	167,9	99,8	316,5	337,4	107,1	238,9	106,4	648,7	205,2	688,9	121,0	677,2
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	CLN	HNK	ONT	ONT	ONT +CLN	DNL	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	BCS	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	TSC	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	HNK	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN

Thửa số	223	224	227	229	231	233	234	237	238	240	241	244	245	250	251	252	253	254	258	260	261	262	265	268	271	274	275	280	282	288	294	297	300	303	320	323	336	343	147	108
Diện tích	779,6	323,8	78,3	116,0	290,9	157,8	227,1	331,8	1107,7	101,0	200,0	486,5	687,2	194,9	92,1	187,0	427,2	156,6	239,3	128,3	869,9	538,6	335,4	240,5	627,9	639,4	199,7	173,4	216,9	187,3	335,9	168,8	258,3	53,4	608,4	362,9	1048,4	575,8	177,8	183,5
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	DGT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 7 TỜ SỐ 157 (TỜ SỐ 04 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

20	154	38
156	157	161
164	165	167

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 928

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	35	37	43	48	52	53	55	61	62	63	64	65	67	68	77	78	83	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	99	101	102	106	110
Diện tích	297,4	292,7	358,4	160,8	572,2	260,2	415,8	289,6	161,9	276,3	262,9	311,7	423,9	148,6	211,4	264,4	452,6	188,1	426,6	337,5	145,9	109,9	300,1	110,7	226,2	283,9	135,4	166,0	154,0	157,8	159,3	152,5	275,0	127,4	128,9
Loại đất	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT

Thửa số	111	112	113	114	115	116	118	119	120	124	125	130	131	134	135	136	137	140	141	142	144	145	149	150	151	153	154	155	158	159	161	162	163	165	167
Diện tích	519,7	422,7	403,9	631,1	536,3	398,3	398,3	291,4	678,4	547,5	200,7	328,8	446,7	434,8	339,3	629,8	185,1	197,4	615,7	143,9	1039,1	501,9	267,9	256,0	347,6	475,1	597,2	280,1	279,3	211,1	181,5	269,0	263,0	699,5	175,1
Loại đất	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN

Thửa số	168	169	170	171	172	173	174	175	177	179	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	197	198	199	201	202	203	204	205	206	207
Diện tích	388,0	389,5	226,2	398,5	241,1	317,1	327,7	151,3	96,8	139,7	113,2	172,3	181,5	425,6	114,0	136,0	264,0	116,4	171,9	147,3	97,4	121,5	197,0	174,2	96,0	119,7	109,1	168,3	134,8	250,4	248,3	262,3	129,8	213,0	310,5
Loại đất	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN

Thửa số	209	210	211	212	213	214	215	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244
Diện tích	107,5	123,4	215,9	408,6	569,7	282,9	108,2	282,0	370,8	148,9	207,4	109,4	155,3	456,3	241,0	222,4	93,3	146,2	110,1	133,7	475,4	146,1	270,3	358,3	634,8	174,2	221,7	112,1	359,8	419,9	121,2	387,1	215,7	297,6	340,2
Loại đất	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	CLN

Thửa số	245	246	247	248	249	250	251	252	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281
Diện tích	148,5	111,9	115,5	672,9	200,2	382,9	138,7	166,3	57,8	296,2	144,4	164,2	192,8	185,5	188,4	213,8	283,9	121,4	189,6	292,8	605,4	215,2	185,1	110,7	261,2	433,2	119,4	180,0	192,9	267,1	196,7	383,5	308,5	162,2	282,1
Loại đất	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN

Thửa số	282	283	284	285	286	287	289	291	292	293	294	295	296	297	299	300	301	302	303	304	305	307	309	310	311	312	313	314	315	316	318	319	320	321	322
Diện tích	678,8	241,3	110,2	197,9	185,9	420,3	133,4	97,6	454,2	161,5	101,0	196,4	372,1	168,2	308,6	283,5	255,9	207,4	114,5	190,6	177,0	144,3	151,8	203,9	152,9	324,1	228,8	169,6	144,2	96,0	385,4	138,9	284,7	288,4	203,4
Loại đất	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT

Thửa số	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	334	335	336	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	349	350	352	353	354	355	356	357	358	359	360	361
Diện tích	411,9	152,3	184,6	476,0	171,9	277,8	399,4	199,6	273,8	149,0	216,7	319,5	310,8	195,0	67,4	196,6	157,6	125,0	99,2	142,6	153,2	99,2	68,1	140,6	127,5	183,5	358,0	73,9	263,2	65,2	147,9	101,1	719,1	76,8	65,4
Loại đất	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT

Thửa số	363	364	365	366	367	368	369	370	372	373	374	376	378	379	380	381	383	385	386	387	388	390	391	392	393	396	397	398	399	400	404	405	406	407	408
Diện tích	146,6	182,3	133,0	74,2	170,2	158,2	450,7	180,7	446,1	445,8	218,2	302,6	189,5	184,5	117,3	351,9	158,7	73,6	108,5	108,7	237,7	220,8	208,5	279,0	233,1	220,3	210,2	138,6	201,6	201,1	196,6	185,8	134,1	204,9	236,0
Loại đất	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT	CLN	CLN	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN

Thửa số	409	410	411	412	415	417	418	420	422	423	424	428	429	431	434	436	437	439	442	444	445	447	449	455	459	460	462	464	465	466	467	470	471	473	474
Diện tích	382,1	181,3	166,3	771,5	140,5	211,4	155,3	112,0	112,0	82,7	312,4	280,5	262,4	66,7	128,8	451,2	182,6	253,8	239,9	145,7	644,5	227,8	268,3	138,0	450,9	201,2	153,3	201,7	89,8	156,5	202,2	157,9	131,3	202,7	118,9
Loại đất	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	HNK	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	DTL	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT

Thửa số	476	479	480	481	482	483	485	487	488	489	490	492	494	495	499	500	501	502	505	506	507	508	511	512	513	514	516	518	522	524	525	526	527	528	530
Diện tích	163,4	269,5	118,2	247,5	244,1	153,3	228,6	263,0	128,2	157,9	188,4	124,0	187,1	275,9	115,5	184,6	218,7	129,1	146,0	129,8	259,5	288,8	216,3	137,6	126,2	31,5	119,5	489,4	228,7	644,2	1198,2	180,7	298,3	230,4	355,3
Loại đất	ONT	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	LUK	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	NTS	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT

Thửa số	535	536	537	538	539	541	542	543	545	547	548	549	552	555	562	564	566	567	570	573	575	577	579	580	581	583	584	585	587	588	589	590	592	593	595
Diện tích	176,6	176,6	176,3	450,8	264,7	179,1	333,5	440,0	520,3	140,0	643,4	589,6	357,7	306,0	417,8	164,8	291,4	434,1	139,6	376,2	1101,7	769,1	528,2	224,8	374,2	21,0	355,7	314,6	299,6	141,0	1189,3	158,8	202,8	333,4	100,6
Loại đất	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	NTS	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	MNC	CLN	LUK	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	596	598	599	600	602	604	605	607	610	613	617	621	623	627	629	630	636	641	643	646	650	651	653	654	655	656	658	659	662	663	666	668	669	670	672
Diện tích	229,9	264,1	181,7	223,6	100,0	330,0	100,9	253,7	116,4	143,0	124,9	168,2	631,5	211,7	126,0	186,7	135,8	189,1	737,9	272,2	334,4	202,9	111,9	530,3	693,1	256,8	386,4	150,7	308,8	220,2	220,6	149,5	114,5	123,9	296,8
Loại đất	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	LUK	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	DGT	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	BCS	ONT+CLN	DGT	CLN

Thửa số	674	677	679	684	685	686	690	691	692	694	696	697	698	699	703	705	706	707	708	709	710	711	712	714	716	718	721	723	725	727	729	730	732	735	738
Diện tích	376,0	138,7	327,7	278,2	146,0	341,5	297,5	289,8	331,2	391,7	185,2	696,9	755,8	351,1	199,7	274,1	203,0	761,4	196,5	160,5	268,1	272,0	194,6	314,8	184,5	244,0	198,3	685,1	123,5	1009,0	279,0	266,2	379,9	108,3	295,9
Loại đất	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT	LUK

Thửa số	739	741	746	750	751	753	754	755	757	758	761	762	766	767	769	770	771	774	778	780	783	784	785	787	789	790	791	795	796	797	798	801	802	803	805
Diện tích	96,0	197,1	180,0	116,7	243,2	32,7	127,8	243,3	885,6	198,5	203,0	137,6	139,8	124,8	173,2	828,7	234,0	148,1	354,9	260,2	278,3	173,3	490,3	103,7	269,8	171,8	247,0	297,4	236,4	159,8	684,3	578,8	154,9	390,3	78,5
Loại đất	ONT	CLN	ONT	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	CLN	ONT	ONT	CLN

Thửa số	806	808	809	810	811	812	813	814	815	817	820	822	823	824	825	826	828	830	831	833	835	836	837	838	842	843	844	847	848	849	850	851	853	854	856
Diện tích	133,6	576,8	128,1	165,3	101,8	183,2	255,5	164,7	406,8	236,2	153,2	127,1	185,0	304,4	124,1	453,8	714,0	249,4	277,2	201,6	141,4	223,3	5,0	182,1	276,4	178,5	188,2	71,7	160,7	172,2	320,1	616,0	244,9	432,1	103,4
Loại đất	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT

Thửa số	860	861	862	863	866	867	868	869	872	873	876	878	881	883	884	885	889	890	891	892	893	894	895	896	901	903	905	906	907	911	912	920	923	925	927
Diện tích	187,8	320,7	148,7	148,6	476,9	226,5	235,6	88,9	186,9	244,6	257,4	360,7	111,3	116,8	813,0	125,5	144,6	136,0	368,6	151,0	158,5	114,0	121,2	256,3	393,5	241,8	229,8	124,9	119,5	363,5	126,3	155,7	124,4	118,7	114,0
Loại đất	ONT+CLN	ONT	ONT	HNK	ONT+CLN	CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT+CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	CLN	ONT	ONT+CLN	ONT	CLN	ONT+CLN	ONT	ONT	ONT+CLN	ONT	ONT

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 7 - c TỜ SỐ 158 (TỜ SỐ 05 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

158 | 159 | 160

TỜ SỐ 158

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

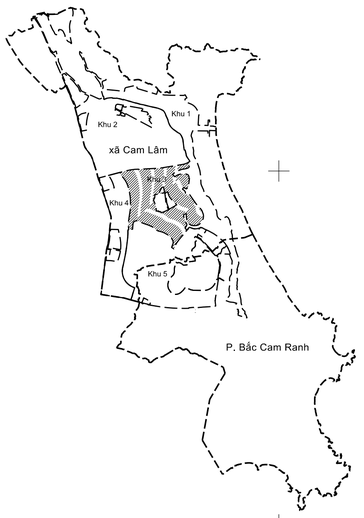

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 50)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 157)

QL.1A.NHỰA

Ranh dự án

DGT 5/190.0

DGT 13/387.1

DGT 77/800.9

DGT 58/82.6

K3-95 / 11.793

K3-94 / 9.310

K3-102 / 8.915

K3-103 / 6.594

đường bê tông

ONT+CLN 24/668.3

ONT+CLN 30/1445.8

ONT+CLN 39/1726.3

ONT+CLN 45/2310.6

ONT+CLN 50/1998.5

ONT+CLN 68/231.3

ONT+CLN 82/1529.5

ONT+CLN 84/623.0

ONT+CLN 89/1697.9

ONT+CLN 98/1028.7

ONT+CLN 101/229.7

ONT+CLN 107/673.1

ONT+CLN 108/493.4

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 116

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	37	41	43	52	80	85	91	94
Diện tích	108,1	69,2	95,6	120,5	110,6	141,0	119,0	112,4
Loại đất	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN

	158	
	159	160
		166

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 7 - c TỜ SỐ 159 (TỜ SỐ 06 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

TỜ SỐ 159

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

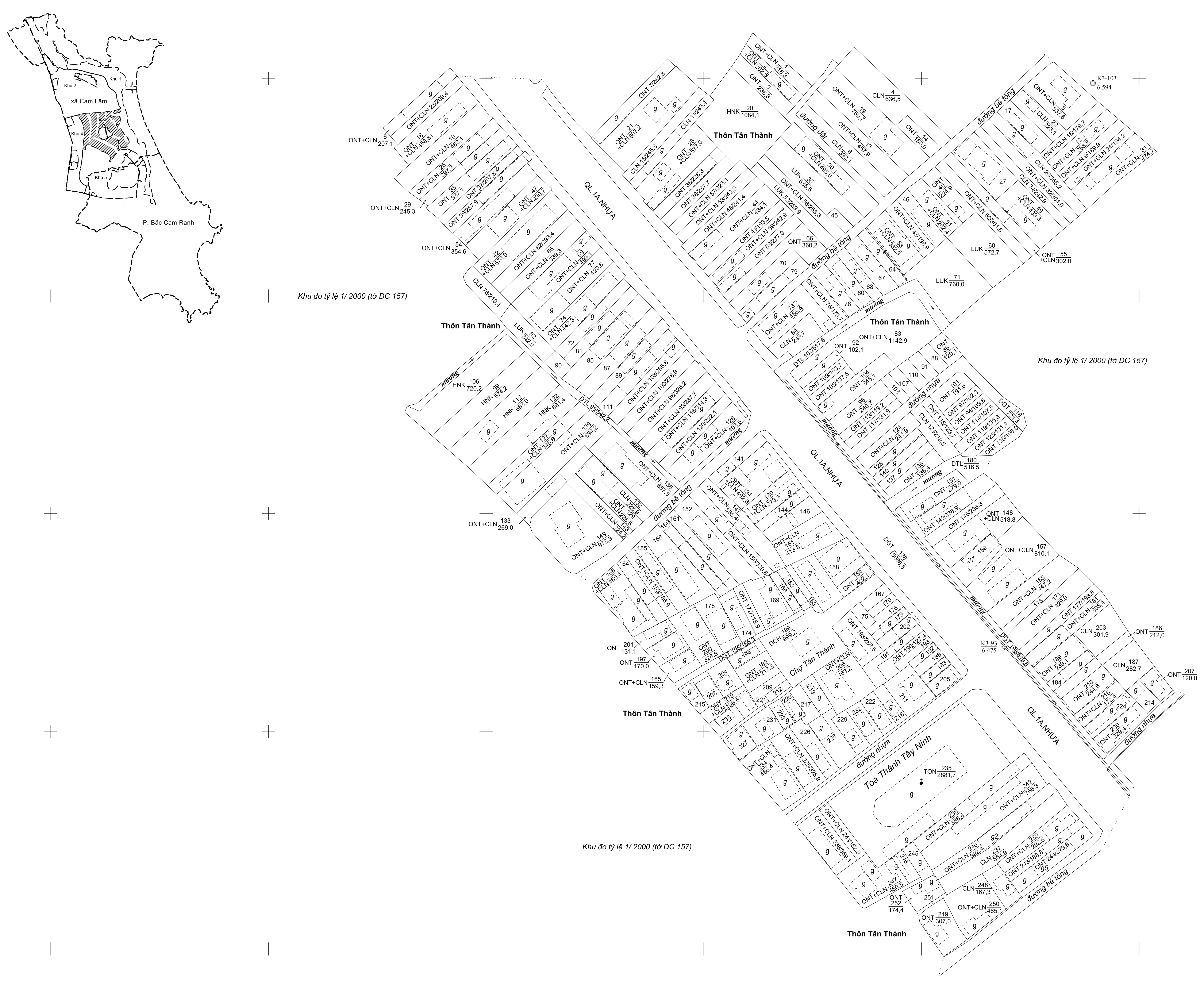

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 252

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	17	27	45	46	61	64	67	68	70	72	78	79	80	81	85	87	88	89	90	91	103	107	110
Diện tích	220,4	422,6	60,0	200,5	15,5	150,8	238,0	143,2	242,8	232,3	176,3	229,8	194,0	242,1	444,5	364,2	83,1	260,8	80,6	86,2	72,0	76,3	88,7
Loại đất	CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	DGT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	LUC	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	111	128	137	140	141	144	146	152	155	156	158	159	160	161	162	163	164	166	167	169	170	173	174
Diện tích	307,6	123,8	125,6	118,9	166,7	140,9	212,4	459,1	223,5	456,3	290,4	253,4	222,4	227,2	91,4	77,6	180,1	86,5	75,2	317,2	55,3	90,7	181,7
Loại đất	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	175	176	178	179	183	184	188	191	192	193	194	202	204	205	208	209	211	212	213	214	215	217	218
Diện tích	65,6	85,5	273,0	85,7	72,2	123,4	67,3	179,5	55,9	77,6	111,4	116,5	160,6	114,1	118,8	102,1	298,2	47,7	125,7	111,3	98,0	112,7	113,1
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN

Thửa số	220	221	222	223	224	226	227	228	229	231	232	233	245	246	251
Diện tích	76,8	60,0	148,3	79,7	178,2	221,9	137,2	266,2	157,4	189,7	149,3	113,5	108,7	88,2	22,6
Loại đất	ONT	DGT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	DGT

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 7 - d TỜ SỐ 160 (TỜ SỐ 07 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

158		
159	160	
	166	168

TỜ SỐ 160

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356,54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

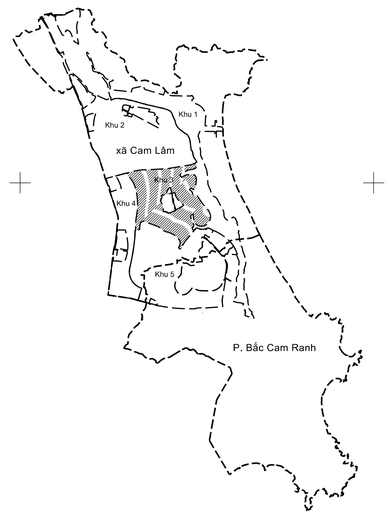

K3-93
6.475

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 157)

Thôn Tân Phú

Thôn Suối Cam

Thôn Tân Phú

QL.1A.NHỰA

QL.1A.NHỰA

DGT 20 6980.3

đường bê tông

mương

ONT+CLN 1 676.1 | ONT+CLN 2 147.2 | ONT 3 229.4 | ONT 4 340.4 | ONT+CLN 5 396.6 | ONT+CLN 6 404.1 | ONT 7 | ONT 8 +CLN 463.6 | ONT+CLN 9 | ONT+CLN 10 | ONT+CLN 11 648.5 | DNT+CLN 12 2228.8 | ONT+CLN 13 384.9 | ONT+CLN 14 760.4 | ONT 15 +CLN 231.5 | HNK 16 262.4 | ONT 17 246.8 | ONT+CLN 18 2140.5 | ONT+CLN 19 311.4 | ONT 20 +CLN 285.7 | HNK 21 224.4 | CLN 22 918.7 | ONT+CLN 23 1163.5 | ONT+CLN 24 352.6 | ONT+CLN 25 367.8 | ONT 26 204.0 | CLN 27 212.8 | CLN 28 394.8 | ONT 29 364.1 | ONT 30 417.1 | CLN 31 470.2 | ONT+CLN 32 171.1 | DTL 33 342.1 | ONT+CLN 34 3701.5 | ONT+CLN 35 868.4 | ONT 36 +CLN 539.9 | ONT+CLN 37 7144.4 | ONT 38 234.1 | ONT 39 +CLN 653.2 | CLN 40 406.2 | CLN 41 161.5 | ONT+CLN 42 1248.7 | ONT 43 722.4 | CLN 44 156.4 | CLN 45 586.8 | ONT 46 304.7 | CLN 47 304.8 | ONT+CLN 48 1586.9 | ONT 49 +CLN 448.2 | ONT 50 395.5 | ONT+CLN 51 367.6 | ONT 52 +CLN 443.1 | ONT+CLN 53 612.1 | ONT+CLN 54 426.7 | ONT 55 +CLN 281.5 | ONT+CLN 56 460.9 | CLN 57 284.9 | CLN 58 270.3 | ONT 59 +CLN 359.2 | HNK 60 305.4 | HNK 61 216.8 | CLN 62 242.9 | CLN 63 283.8 | ONT 64 +CLN 128.4 | ONT+CLN 65 1586.9 | K3-117 5.210

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 80

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	7	9	10	23	35	39	42	50	51	53	54	55	56	57	65	72	74	77	80
Diện tích	118,2	446,8	244,2	409,8	353,3	134,7	125,9	161,1	187,0	353,7	133,5	369,1	134,6	131,6	216,0	97,6	125,5	99,7	125,8
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	CLN	ONT +CLN	ONT	CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	HNK	ONT	HNK	ONT	ONT +CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 8 TỜ SỐ 161 (TỜ SỐ 8 XÃ CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

154	38	
157	161	162
165	167	171

TỜ SỐ 161

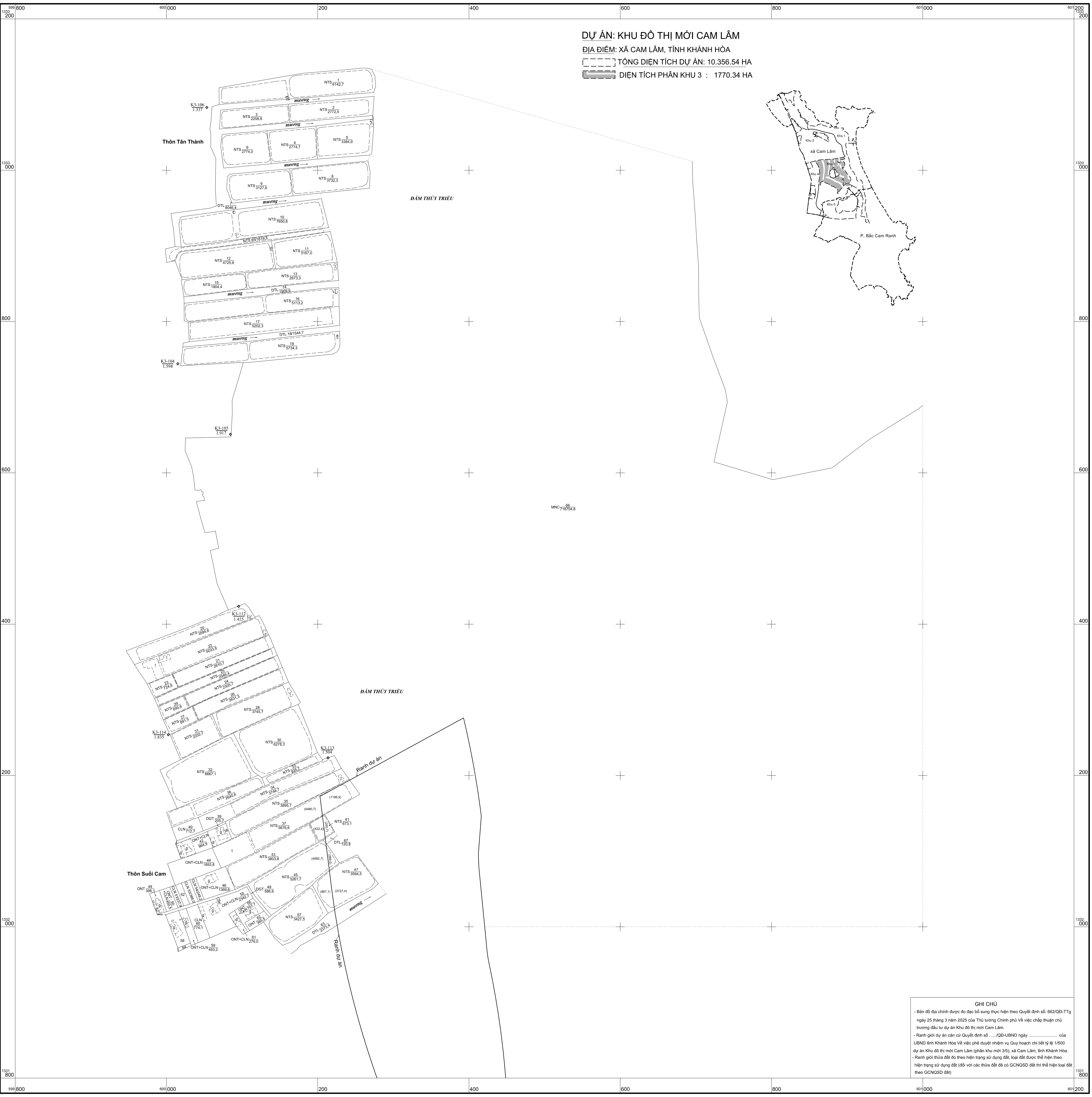

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 66

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	38	52	58	64
Diện tích	602,1	240,4	834,2	72,9
Loại đất	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	DGT

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025
335 599 - 9 TỜ SỐ 162 (TỜ SỐ 09 CAM THÀNH BẮC CŨ)

38		
161	162	
167	171	

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 1

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																				
Diện tích																																				
Loại đất																																				

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 596 - 2 TỜ SỐ 163 (TỜ SỐ 10 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

41	155	156
53	163	164
		175

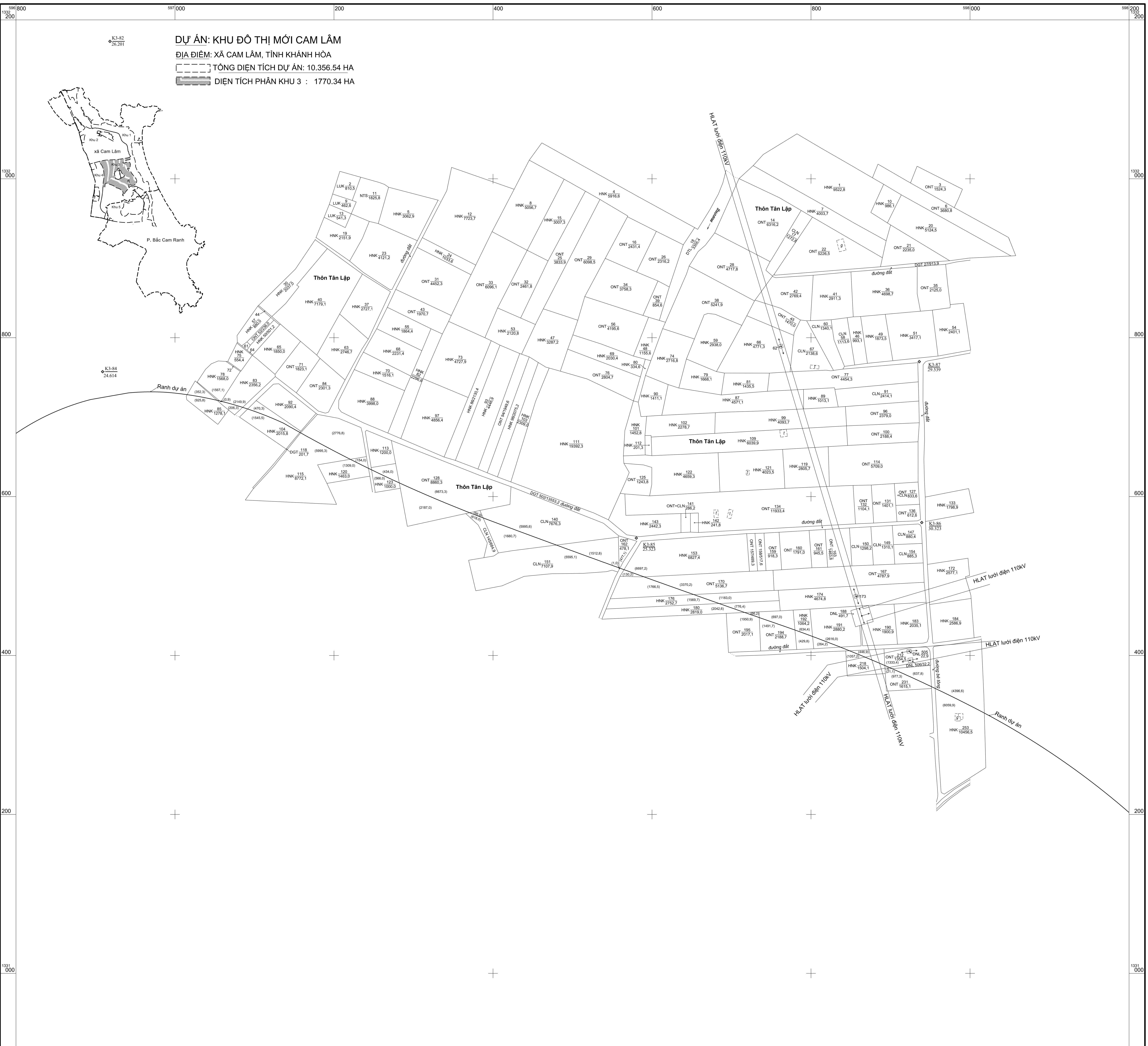

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 163

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	44	61	62	64	72	95	173	216	248	249	250	256	260	261	264	266	267	269	270	271	272	274	275
Diện tích	54,7	56,3	20,9	28,9	25,2	60,8	19,7	287,3	152,5	226,6	226,6	113,6	302,8	226,6	226,6	226,6	227,0	226,6	226,6	208,7	148,5	299,7	236,1
Loại đất	DGT	HNK	DNL	DGT	DGT	DGT	DNL	CLN	ONT	ONT	ONT	HNK	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT

Thửa số	279	280	281	282	283	286	287	288	289	292	293	296	297	299	300	302	304	305	313	317	345	348	351
Diện tích	208,7	197,4	240,2	224,9	160,7	195,6	268,4	242,1	222,4	238,8	244,1	160,7	122,0	208,7	227,3	238,2	146,9	229,7	97,7	141,4	123,9	124,5	113,2
Loại đất	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	352	354	356	358	360	361	363	365	366	368	369	370	371	372	375	377	378	379	381	383	384	385	387
Diện tích	136,4	113,4	113,7	114,7	117,1	109,5	117,8	109,9	126,4	118,6	110,3	119,3	120,0	127,5	120,3	119,2	118,1	138,4	117,0	115,9	109,3	116,4	109,2
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	388	390	392	393	394	397	399	401	402	403	404	405	406	408	409	411	412	413	414	415	416	417	419
Diện tích	115,6	109,1	114,9	109,0	114,2	108,9	113,5	108,9	112,7	108,8	112,0	108,7	111,3	108,6	110,5	108,5	103,3	107,7	107,7	104,0	107,8	104,7	107,9
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	420	422	423	424	425	426	427	429	430	431	432	436	438	441	442	443	444	445	446	447	448	449	450
Diện tích	105,4	108,0	106,2	108,1	106,9	108,2	107,6	108,3	108,4	108,4	109,1	108,4	109,8	107,7	102,5	107,6	101,8	107,5	101,1	107,5	107,4	107,4	107,3
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	452	454	460	462	464	465
Diện tích	107,2	107,2	102,5	106,0	107,1	107,1
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 596 - 3 TỜ SỐ 164 (TỜ SỐ 11 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

155	156	157
163	164	165
	175	176

TỜ SỐ 164

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHẦN KHU 3 : 1770.34 HA

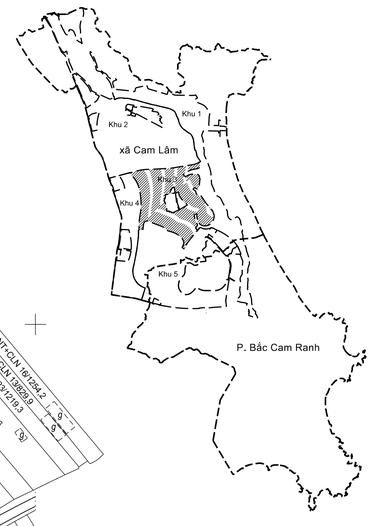

Thôn Tân Lập

Thôn Tân Phú

Nghĩa địa

Trạm điện

Kênh Chính Nam

HLAT lưới điện 110kV

Ranh dự án

đường bê tông

đường nhựa

đường đất

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 523

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	6	7	11	12	15	17	19	20	22	27	29	32	34	35	36	38	39	46	47	52	53	54	56	57	61	62	66	67	68	98	105	120	123	129	138	140	163	199	201	255	256	269	272	294	295	296	297	300	303	304	312	313	318	325	327	346	371	375	385	415	424	491	490	497	562	588		
Diện tích	115,3	125,6	101,8	103,5	105,6	107,8	107,1	129,6	125,9	101,4	102,4	203,5	99,3	100,6	202,2	98,4	98,8	98,2	100,0	100,5	99,5	354,9	98,3	100,3	99,0	97,8	99,1	97,8	101,7	82,4	170,9	252,5	104,0	23,9	145,5	199,5	81,0	101,8	83,2	470,0	366,3	286,5	328,5	245,5	327,0	242,3	267,0	237,5	256,0	124,2	255,8	983,8	242,4	120,5	140,4	301,6	71,9	229,5	1017,4	318,8	323,3	205,9	325,7	202,4	93,7	92,9		
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	DTL	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	DNL	DGT	CLN	ONT	HNK	HNK	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT	HNK	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	CLN	HNK	CLN		

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 599 - 1 TỜ SỐ 165 (TỜ SỐ 12 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

156	157	161
164	165	167
175	176	177

TỜ SỐ 165

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

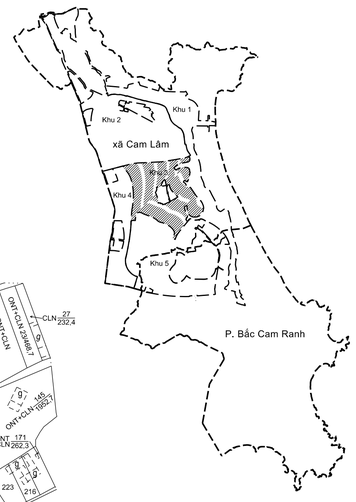

Khu đo tỷ lệ 1/ 1000 (tờ DC 166)

Thôn Tân Phú

Trường Tiểu Học Cam Lâm

Chùa Cao Đài

Lớp Mẫu Giáo Thôn Tân Phú 1

HLAT lưới điện 110kV

kênh N33-1

đường nhựa

đường bê tông

đường đất

mương

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 1139

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	1	2	3	4	6	7	8	11	12	13	14	16	18	19	20	21	22	24	25	28	29	30	32	33	34	36	37	38	39	40	42	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	58	59	60	61	62	63	64	65	66	68	69	70	72	73	75	76	78	79	80	81	82	83	84	86	87
Diện tích	84,5	88,2	92,1	102,2	101,1	82,6	84,0	177,1	82,1	89,2	78,2	663,1	79,8	150,9	83,9	77,5	774,7	77,5	85,4	75,3	94,2	76,9	83,9	79,5	78,0	84,6	154,6	78,0	277,1	87,4	77,3	152,1	78,1	89,9	78,0	80,4	78,0	92,7	261,5	77,9	79,8	77,9	95,3	313,1	77,6	154,8	98,2	78,0	89,2	181,4	77,6	159,5	92,8	78,0	258,7	84,0	77,7	205,7	78,0	78,3	77,7	77,7	81,4	78,4	77,7	77,7	169,8	78,1	531,3
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN

Thửa số	88	90	92	91	93	95	96	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	110	111	112	113	114	115	118	120	121	122	123	124	125	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	146	147	148	149	150	152	153	154	155	156	158	159	160	161	162	163	164	168	169	170	172
Diện tích	77,6	77,6	78,0	164,7	91,4	84,1	77,6	77,4	237,3	162,2	78,2	149,4	85,8	80,2	77,6	80,8	348,6	202,1	78,1	156,5	81,6	95,3	77,7	97,8	77,7	80,3	159,6	78,1	77,7	86,2	77,7	195,4	78,1	191,5	156,7	160,9	95,1	370,0	77,8	176,5	77,7	77,2	159,9	138,2	221,9	78,0	201,8	77,8	77,8	161,6	78,0	475,7	77,8	85,3	82,0	88,3	77,9	201,3	115,5	78,0	75,6	85,1	77,7	201,5	78,0	77,6	90,5	170,7	728,4
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT +CLN

Thửa số	173	174	175	176	177	178	179	182	185	186	187	189	191	192	193	194	195	198	200	201	202	204	205	206	208	209	210	211	213	214	215	216	218	221	222	223	224	225	228	229	231	232	234	236	239	240	242	243	245	246	247	249	251	252	254	255	264	266	268	269	270	272	274	276	278	279	280	281	282
Diện tích	63,6	77,6	89,7	131,9	230,6	77,7	88,9	276,2	79,3	104,0	77,8	88,3	164,9	77,7	285,0	77,8	86,4	77,9	167,9	77,6	86,3	77,9	166,3	517,1	153,5	77,7	85,4	308,5	68,5	80,7	92,1	226,1	90,9	485,6	194,6	297,3	262,7	92,5	93,4	149,9	145,8	94,0	683,1	200,4	94,3	158,9	527,7	221,7	99,3	129,9	197,6	230,6	130,2	211,0	196,7	131,2	194,3	176,7	98,4	125,0	229,9	121,3	155,9	122,3	157,4	232,3	121,6	335,0	214,6
Loại đất	ONT +CLN	ONT	ONT	CLN	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	CLN

Thửa số	283	286	290	292	296	297	298	299	301	302	306	308	316	322	327	331	334	336	341	345	347	348	354	358	364	373	374	380	382	385	386	389	392	393	398	404	405	409	411	413	414	415	416	419	421	422	425	426	432	434	442	445	446	447	451	465	466	471	474	477	478	480	482	487	488	490	494	499	502
Diện tích	133,1	120,9	128,2	143,2	137,8	164,9	116,2	126,3	368,5	442,3	301,6	151,3	337,9	142,7	187,7	133,9	460,0	328,4	158,5	164,6	564,4	174,7	637,7	469,1	244,7	366,1	238,6	452,8	375,5	219,9	230,3	284,9	133,5	953,8	442,8	230,5	75,6	359,4	210,5	181,4	502,3	171,5	216,4	570,5	272,6	503,5	212,6	440,0	149,4	251,0	428,2	577,7	279,9	587,2	425,1	571,6	400,8	255,9	465,8	179,7	351,3	186,2	158,1	224,1	509,7	196,1	303,9	183,3	245,6
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	TON	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	HNK	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	HNK	ONT +CLN	ONT	CLN	HNK	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN

Thửa số	505	508	512	518	520	524	533	534	535	539	541	542	543	551	558	561	568	570	581	591	593	594	596	603	604	606	607	609	610	611	613	614	615	616	617	618	623	624	628	629	630	631	632	633	634	635	636	637	641	642	643	644	646	647	648	649	650	651	653	654	656	657	659	661	663	665	666	667	668
Diện tích	511,2	920,8	23,8	113,9	528,5	182,3	132,4	412,1	95,6	94,6	543,3	45,3	118,6	440,3	185,3	243,6	227,4	309,2	262,2	124,6	418,5	638,2	129,1	137,2	109,3	125,1	124,1	105,5	125,9	135,1	119,4	125,6	106,7	131,2	133,2	106,2	104,2	131,2	122,6	108,1	126,6	139,3	124,9	110,4	108,5	158,6	122,3	128,1	108,8	140,7	107,7	92,1	140,4	129,7	108,7	109,7	141,9	107,8	231,3	109,8	107,8	131,0	142,2	111,8	110,3	112,7	352,8	112,6	137,0
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	DNL	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT +CLN	CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	CLN	ONT	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	669	671	672	674	675	677	678	680	681	683	684	686	688	689	690	691	692	693	696	697	698	699	702	703	704	705	706	707	709	710	711	712	714	715	718	719	722	725	727	728	733	736	740	741	745	760	762	765	766	770	779	783	784	787	788	789	791	792	793	794	795	798	799	801	802	805	807	810	811
Diện tích	101,0	111,6	112,2	114,2	140,4	108,0	111,7	145,1	92,2	104,9	133,6	112,7	104,1	142,6	114,7	110,7	132,2	105,1	113,0	100,3	364,6	142,4	112,7	113,5	275,9	98,1	469,4	196,5	114,0	97,6	168,2	96,7	114,4	97,8	114,9	99,4	94,0	115,3	348,6	100,4	827,3	120,8	137,0	101,4	115,8	101,4	101,6	101,6	101,8	149,4	101,3	101,2	101,1	101,0	108,4	100,9	108,3	302,9	100,8	108,2	100,7	108,0	100,6	108,0	107,1	93,9	107,2	107,3	107,4
Loại đất	CLN	CLN	ONT	CLN	ONT	CLN	ONT	ONT	CLN	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	CLN	ONT	ONT	CLN	ONT	CLN	CLN	ONT	CLN	ONT	CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	CLN	ONT	CLN	ONT	CLN	CLN	ONT	CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	CLN	CLN	CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT

Thửa số	812	813	815	816	818	821	823	824	825	827	829	833	834	835	837	841	847	850	855	858	863	865	870	872	874	877	879	884	888	890	893	896	897	900	901	904	905	910	912	913	920	922	925	927	930	932	939	948	953	956	958	969	971	979	980	981	984	986	988	1005	1015	1047	1120	1126	1138				
Diện tích	107,4	101,3	107,5	124,6	100,6	107,6	100,3	107,7	100,4	107,9	100,5	107,0	106,9	132,3	111,9	107,1	455,9	247,6	233,2	139,8	162,7	162,2	235,2	35,1	325,7	183,4	244,9	111,0	363,8	193,2	321,6	175,8	174,3	326,3	396,9	75,6	202,1	108,8	73,9	229,9	132,7	83,0	111,6	105,8	115,5	110,3	114,1	101,3	112,9	475,8	203,4	198,8	208,2	220,0	556,5	262,3	313,4	321,8	278,4	321,7	333,5	74,4	38,2	26,8	133,0				
Loại đất	ONT	DGT	ONT	ONT	ONT	ONT	QNT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	QNT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	DNL	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	DSH	ONT	CLN	CLN	ONT	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT +HNK	CLN	DTL	CLN	CLN				

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 599 - 1 - b TỜ SỐ 166 (TỜ SỐ 13 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

159	160	
	166	168
		169

TỜ SỐ 166

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 165)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 165)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 165)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 165)

QL.1A.NHỰA

đường bê tông

đường nhựa

mương

DGT 119/607.4

DTL 175/356.8

DGT 180/200.4

DGT 188/398.8

DGT 191/279.0

K3-117 / 5.210

K3-122 / 2.271

K3-123 / 3.003

ONT 62/94,6

ONT 78/134,9

ONT 104/173,9

ONT 114/+CLN321,6

ONT 143/168,2

ONT+CLN 164/232,3

ONT+CLN 178/1821,6

ONT 176/150,7

ONT 186/124,9

ONT+CLN 189/2254,2

ONT+CLN 194/704,2

ONT+CLN 201/1558,8

ONT+CLN 203/1522,9

ONT 202/+CLN160,1

ONT+CLN 192/282,7

ONT+CLN 158/1619,4

ONT+CLN 124/1076,3

CLN 100/1209,7

CLN 105/1888,1

ONT+CLN 91/1063,8

LUK 101/884,4

LUK 111/992,4

LUK 142/704,1

CLN 150/241,1

CLN 147/77,5

ONT+CLN 36/187,0

ONT+CLN 55/198,8

ONT 66/57,7

CLN 13/510,8

CLN 54/401,2

CLN 44/200,2

ONT+CLN 69/1036,8

ONT+CLN 32/531,1

ONT+CLN 34/1052,9

ONT+CLN 21/602,7

ONT+CLN 46/265,0

CLN 72/950,8

CLN 84/322,6

CLN 85/214,4

CLN 79/268,4

CLN 80/288,2

ONT+CLN 135/287,3

ONT+CLN 132/205,9

ONT+CLN 133/358,3

ONT+CLN 138/482,0

ONT+CLN 131/242,6

ONT+CLN 130/621,6

ONT+CLN 136/222,4

CLN 152/232,4

CLN 145/92,7

ONT+CLN 156/166,4

ONT+CLN 154/226,0

ONT+CLN 165/285,9

ONT+CLN 471/490,6

ONT+CLN 183/260,0

ONT+CLN 184/283,3

ONT+CLN 192/662,9

ONT+CLN 196/124,2

ONT+CLN 200/445,0

ONT+CLN 199/222,5

CLN 195/253,6

ONT 49/159,3

ONT 61/178,0

ONT 81/371,6

ONT 93/452,7

ONT+CLN 89/473,0

ONT+CLN 107/314,1

ONT+CLN 112/585,1

ONT+CLN 118/329,1

ONT+CLN 126/566,9

ONT+CLN 119/226,9

ONT+CLN 128/480,0

ONT 8/367,3

ONT+CLN 7/1169,5

ONT+CLN 9/696,0

ONT+CLN 15/+CLN366,0

ONT+CLN 27/571,0

ONT+CLN 23/776,8

ONT+CLN 29/+CLN458,0

ONT+CLN 25/719,9

ONT+CLN 10/601,7

ONT+CLN 14/636,8

ONT+CLN 17/+CLN97,6

ONT+CLN 26/342,0

ONT+CLN 32/314,4

ONT+CLN 30/212,6

ONT+CLN 39/464,4

ONT+CLN 48/+CLN279,1

ONT+CLN 71/436,6

ONT+CLN 86/376,7

ONT+CLN 99/142,4

ONT+CLN 103/296,5

ONT+CLN 109/208,5

ONT+CLN 122/585,1

ONT+CLN 125/185,8

ONT+CLN 135/287,3

ONT+CLN 144/380,7

ONT+CLN 168/493,8

ONT+CLN 181/111,3

ONT+CLN 195/222,1

ONT+CLN 199/222,5

ONT+CLN 202/662,9

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 203

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	25	50	53	75	87	88	97	109	129	133	134	139	146	160	161
Diện tích	616,9	180,5	162,4	210,1	89,6	104,2	125,7	123,8	149,4	115,7	115,3	106,5	86,1	225,1	149,9
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 599 - 2 TỜ SỐ 167 (TỜ SỐ 14 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

157	161	162
165	167	171
176	177	

TỜ SỐ 167

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

Thôn Suối Cam

Thôn Lam Sơn

Trường THCS Nguyễn Hiền

Ranh dự án

Khu đo tỷ lệ 1/ 1000 (tờ DC 168)

Khu đo tỷ lệ 1/ 1000 (tờ DC 169)

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 247

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	13	14	16	17	18	21	23	24	25	28	29	38	39	40	43	45	47	51	53	55	58	59	61	62	64	65	67	71	73	78	80	82	83	84	87	90	92	94	105	106	117	118	140	141	142	146	150	152	159	160	164	167	169	184	187	192	242	243
Diện tích	361,0	841,8	1225,6	349,3	599,1	458,6	706,8	691,0	188,9	989,3	656,4	349,0	88,2	108,5	607,7	154,0	131,6	361,9	322,9	148,6	379,7	43,7	460,4	332,8	186,5	263,9	216,9	806,0	942,5	285,8	379,4	385,2	43,6	435,5	193,1	152,4	207,5	214,5	346,9	427,7	139,0	141,3	213,0	217,8	224,5	229,7	166,6	347,3	141,1	177,8	259,3	229,3	363,7	149,8	150,2	75,7	243,6	110,0
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	HNK	HNK	HNK	DGT	ONT +CLN	CLN	CLN	HNK	HNK	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	DGT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT	CLN	CLN	CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	DNL	CLN	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

335 599 - 2 - a TỜ SỐ 168 (TỜ SỐ 15 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

160		
166	168	
	169	170

TỜ SỐ 168

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

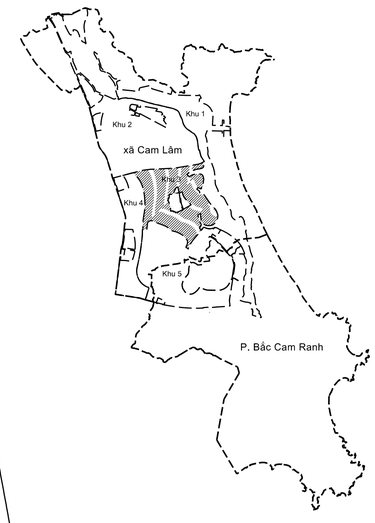

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 167)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 167)

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 167)

Thôn Suối Cam

Thôn Suối Cam

Thôn Suối Cam

Thánh Thất Tân Hiệp

QL.1A.NHƯ'A

đường bê tông

đường bê tông

đường bê tông

đường bê tông

Ranh dự án

Ranh dự án

Ranh dự án

Ranh dự án

K3-123 3,003

DGT 35 5968,0

DGT 40/841,2

DGT 69/123,8

DGT 96/135,3

CLN 1865,0

DTL 364,6

ONT+CLN 3 2697,4

ONT+CLN 4 764,8

ONT+CLN 6 559,4

ONT+CLN 11 372,5

ONT+CLN 13 391,4

HNK 12 177,9

TSC 20 416,8

ONT+CLN 19/295,1

ONT+CLN 17 585,6

ONT+CLN 23/298,2

ONT+CLN 27 628,6

ONT+CLN 8 714,9

ONT+CLN 24 640,2

ONT +CLN 5 1739,1

ONT +CLN 14 1322,0

10 SĐ

ONT 7219,4

9

ONT +CLN 21 564,9

CLN 31'180,5

CLN 29'303,8

ONT+CLN 39 136,9

ONT+CLN 32 2036,7

CLN 198/1764,9

CLN 42 208,4

CLN 45 207,9

CLN 34 266,1

ONT+CLN 53 1055,4

ONT 56 +CLN 243,8

ONT 67 +CLN 299,3

ONT 65 +CLN 366,2

ONT+CLN 65/333,8

ONT+CLN 62/315,6

ONT+CLN 60/341,2

ONT+CLN 70/377,1

ONT 14 +CLN 623,1

ONT+CLN 78 1614,9

ONT +CLN 49 430,3

ONT+CLN 66 674,2

ONT 73 +CLN 641,4

ONT 72 +CLN 498,5

ONT +CLN 69 430,3

ONT +CLN 70 386,7

CLN 69/109,6

ONT+CLN 48 394,8

ONT +CLN 57 230,0

CLN 54/397,2

ONT+CLN 37/998,3

CLN 28/179,9

ONT+CLN 43 254,3

CLN 33 392,5

ONT 30 330,1

ONT +CLN 25 519,9

ONT+CLN 16 327,7

ONT 15 357,1

ONT+CLN 22 519,2

ONT+CLN 15 502,8

ONT+CLN 9698,8

TON 52 5757,4

ONT+CLN 50 120,3

CLN 71'392,8

CLN 26 614,9

ONT 46 180,3

ONT 41 151,1

ONT 36/222,7

ONT 47 136,3

CLN 87 1790,9

CLN 88 666,7

ONT 90 243,6

ONT+CLN 92 221,2

CLN 93 468,9

CLN 94/250,9

CLN 95 289,2

ONT 97

ONT+CLN 84/241,0

ONT+CLN 85 241,7

ONT+CLN 86 317,4

CLN 80 445,5

CLN 79 457,9

ONT 81'277,0

ONT 82/233,1

ONT 83/236,1

ONT+CLN 75 262,1

ONT+CLN 61 448,8

ONT +CLN 64 257,1

CLN 69 371,5

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 97

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	10	44	51	58	59	77	91	97
Diện tích	115,1	103,6	117,5	305,1	195,0	364,0	110,0	297,2
Loại đất	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 599 - 2 - c TỜ SỐ 169 (TỜ SỐ 16 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

166	168	
	169	170

TỜ SỐ 169

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

Ranh dự án

QL.1A.NHỰA

DGT 21/6696.9

đường bê tông

đường nhựa

đường đất

mương

DTL 235/1207.5

DTL 267/159.3

HNK 269/237.7

K3-142 4.673

K3-139 3.215

K3-140 2.956

K3-138 3.244

Khu đo tỷ lệ 1/ 2000 (tờ DC 167)

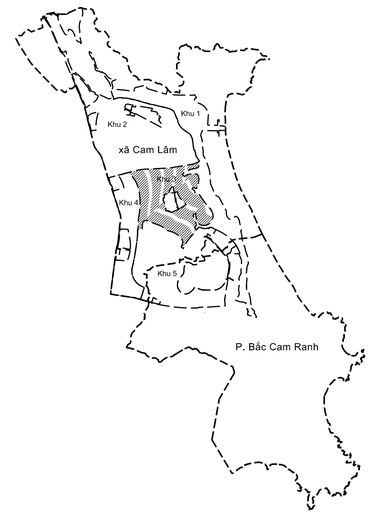

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 269

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	6	8	15	23	24	27	32	33	34	35	37	39	40	42	43	48	49	51	52	58	60	61	62	63	64	65	69	71	73	74	75	76	77	78	79	81	86	88	91	97	100	104	106	113	117	123	128	129	130	131	132	137	138	139	140	143	144	152	184	198	237	257	262	266	268	274	291	293	
Diện tích	501,6	178,4	164,2	437,9	103,1	273,6	99,5	182,1	152,5	285,9	149,8	109,5	129,3	158,5	110,2	179,6	274,5	252,3	346,6	363,9	135,0	267,1	256,2	223,7	135,7	217,4	136,8	76,9	373,2	270,0	124,9	278,8	164,7	83,4	210,3	272,0	170,7	118,6	118,8	84,5	88,7	89,7	217,8	169,3	340,1	473,4	220,8	179,0	436,8	130,5	268,3	247,7	84,3	212,2	78,3	220,4	84,2	124,6	249,9	178,9	160,1	242,0	106,3	172,5	81,9	82,8	83,3	73,7	
Loại đất	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	CLN	ONT	ONT +CLN	CLN	ONT	CLN	ONT	CLN	ONT +CLN	CLN	ONT +CLN	ONT +CLN	ONT	BCS	ONT	ONT	

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 599 - 3 TỜ SỐ 171 (TỜ SỐ 18 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

161	162	
167	171	
177		

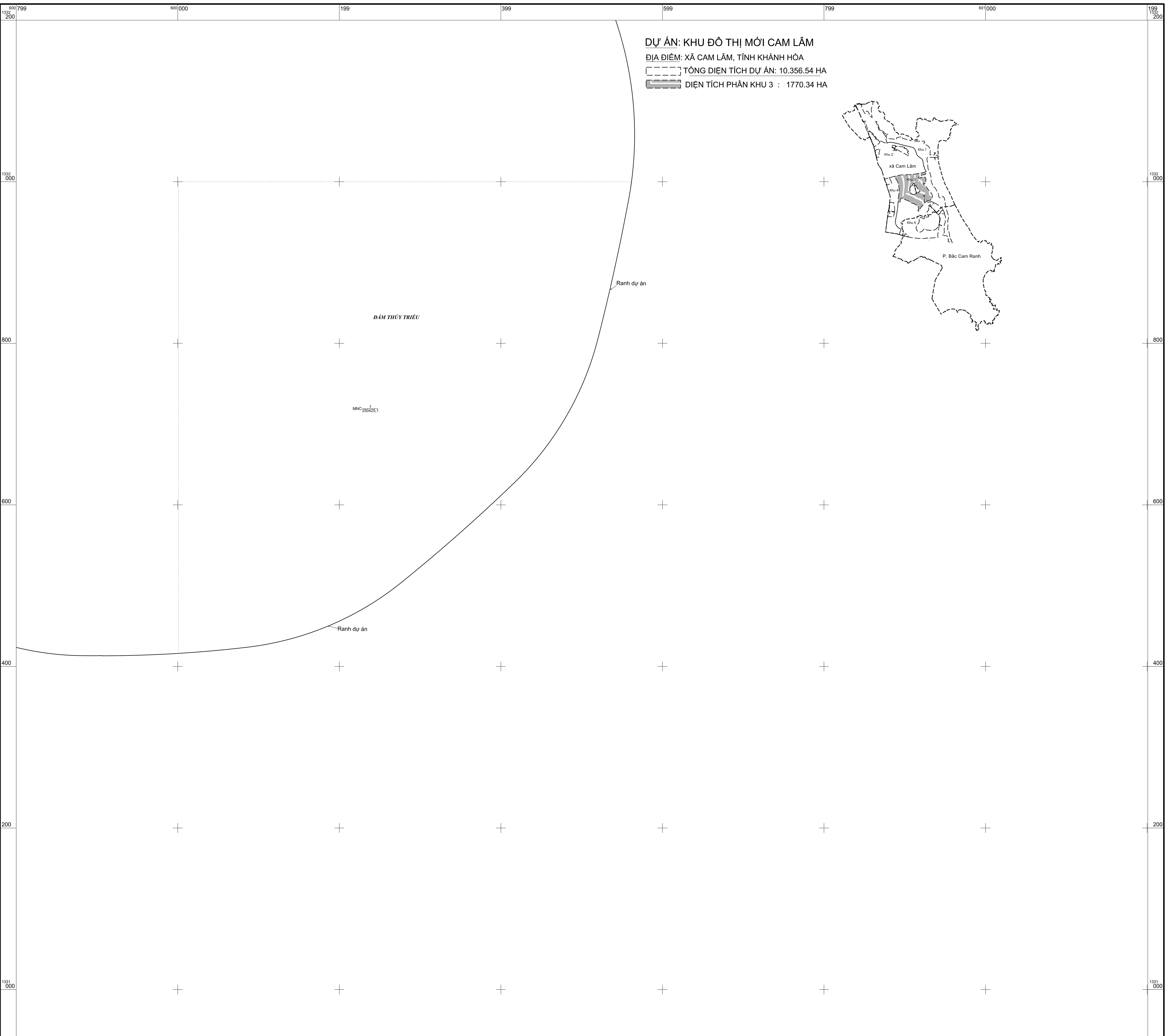

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 1

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																																																					
Diện tích																																																																					
Loại đất																																																																					

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 596 - 6 TỜ SỐ 175 (TỜ SỐ 22 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

163	164	165
	175	176
		190

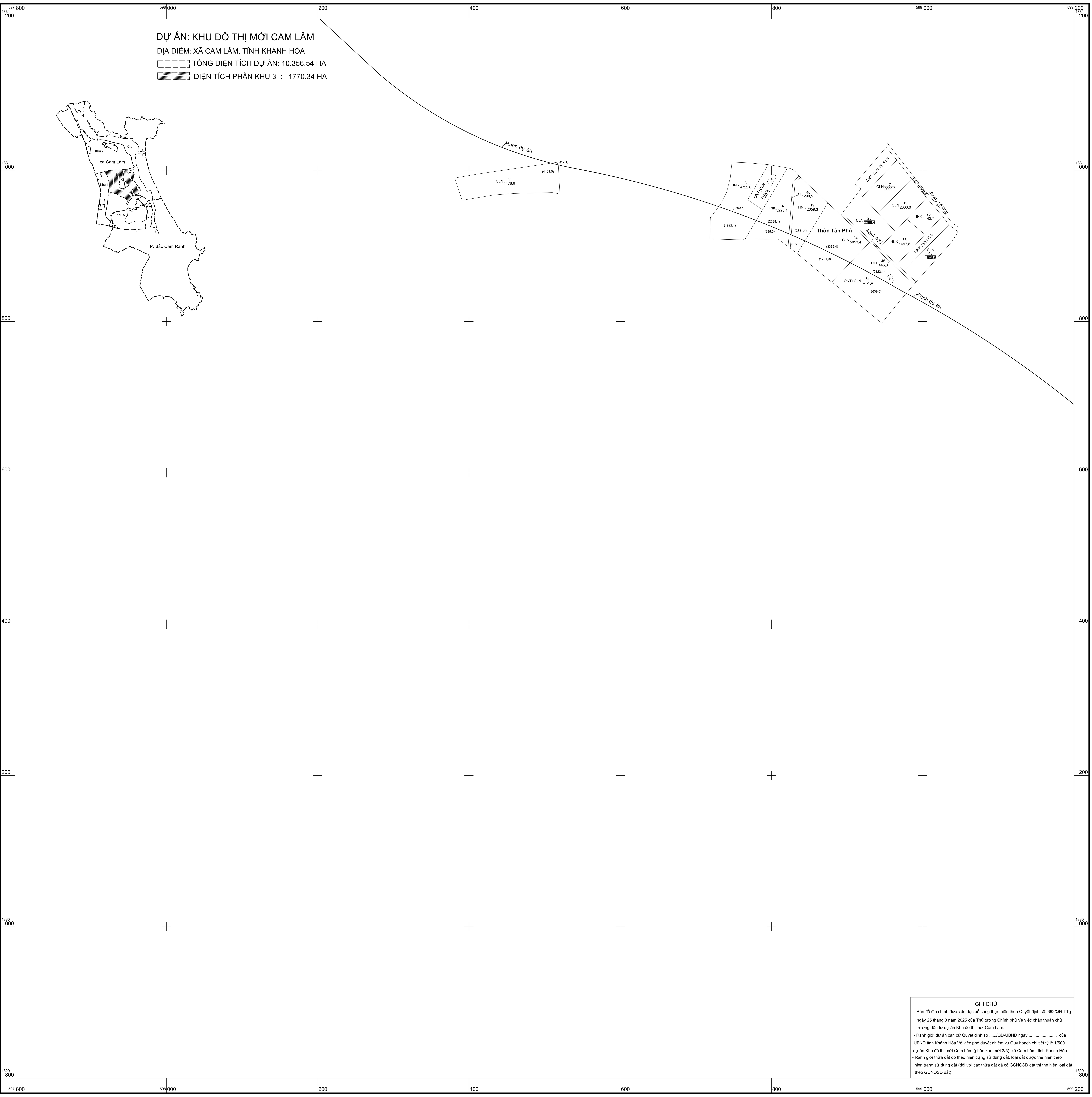

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 18

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	
Diện tích	
Loại đất	

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 599 - 4 TỜ SỐ 176 (TỜ SỐ 23 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

164	165	167
175	176	177
	190	

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 468

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	8	19	27	31	42	48	49	53	64	73	92	93	97	108	109	115	126	136
Diện tích	197,9	295,3	272,2	236,7	261,9	140,4	277,2	277,3	262,0	114,1	298,9	267,3	51,4	133,6	260,9	282,3	92,1	259,9
Loại đất	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	HNK	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	DGT	CLN

Thửa số	145	151	159	165	170	172	176	185	187	188	190	191	198	201	202	207	208	211
Diện tích	200,2	212,3	209,0	202,2	240,2	251,8	202,0	210,0	284,2	206,9	236,8	236,5	228,8	200,4	225,0	243,5	219,7	222,9
Loại đất	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN

Thửa số	213	214	215	217	218	223	226	227	228	232	235	239	259	262	270	271	272	273
Diện tích	225,9	200,7	212,0	229,8	233,4	221,2	220,8	219,7	237,1	106,2	220,3	107,7	128,6	350,3	153,0	115,9	108,7	109,5
Loại đất	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	CLN	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT

Thửa số	274	275	276	277	279	280	281	282	283	284	286	287	296	297	298
Diện tích	110,2	111,0	111,7	112,5	113,2	114,0	114,7	137,8	115,5	116,2	117,0	117,7	138,9	137,0	131,3
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	CLN	NTS	ONT +CLN

Thửa số	302	303	304	305	306	308	309	311	312	313	314	315
Diện tích	118,4	119,0	119,6	120,0	120,4	120,7	121,1	121,5	131,7	121,9	122,3	122,0
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	ONT	ONT	ONT

Thửa số	316	317	318	329	330	332	334	339	446	448	491	493	524
Diện tích	120,2	118,4	149,9	132,2	60,5	41,6	267,0	165,8	257,6	153,9	55,5	138,5	179,3
Loại đất	ONT	ONT	ONT	ONT +CLN	CLN	HNK	LUK	NTS	HNK	LUC	HNK	LUK	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025

332 599 - 5 TỜ SỐ 177 (TỜ SỐ 24 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - Xã Cam Lâm

165	167	171
176	177	
190		

TỜ SỐ 177

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

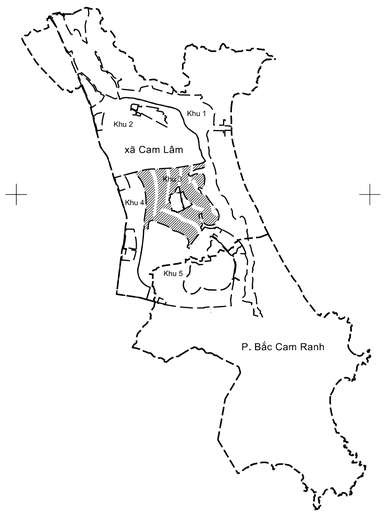

Thôn Lam Sơn

kênh N13-1

đường bờ đông

Ranh dự án

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Nguyễn Văn Thán

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

Bùi Khắc Thạo

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 1012

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số	4	8	22	38	40	93	96	138
Diện tích	219,3	98,1	119,3	111,9	107,8	112,8	140,7	135,0
Loại đất	HNK	HNK	NTS	HNK	CLN	NTS	LUC	CLN

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ CAM LÂM

ĐO ĐẠC BỔ SUNG THÁNG 7 NĂM 2025
332 599 - 7 TỜ SỐ 190 (TỜ SỐ 37 CAM THÀNH BẮC CŨ)

Tỉnh Khánh Hòa - **Xã Cam Lâm**

175	176	177
	190	

TỜ SỐ 190

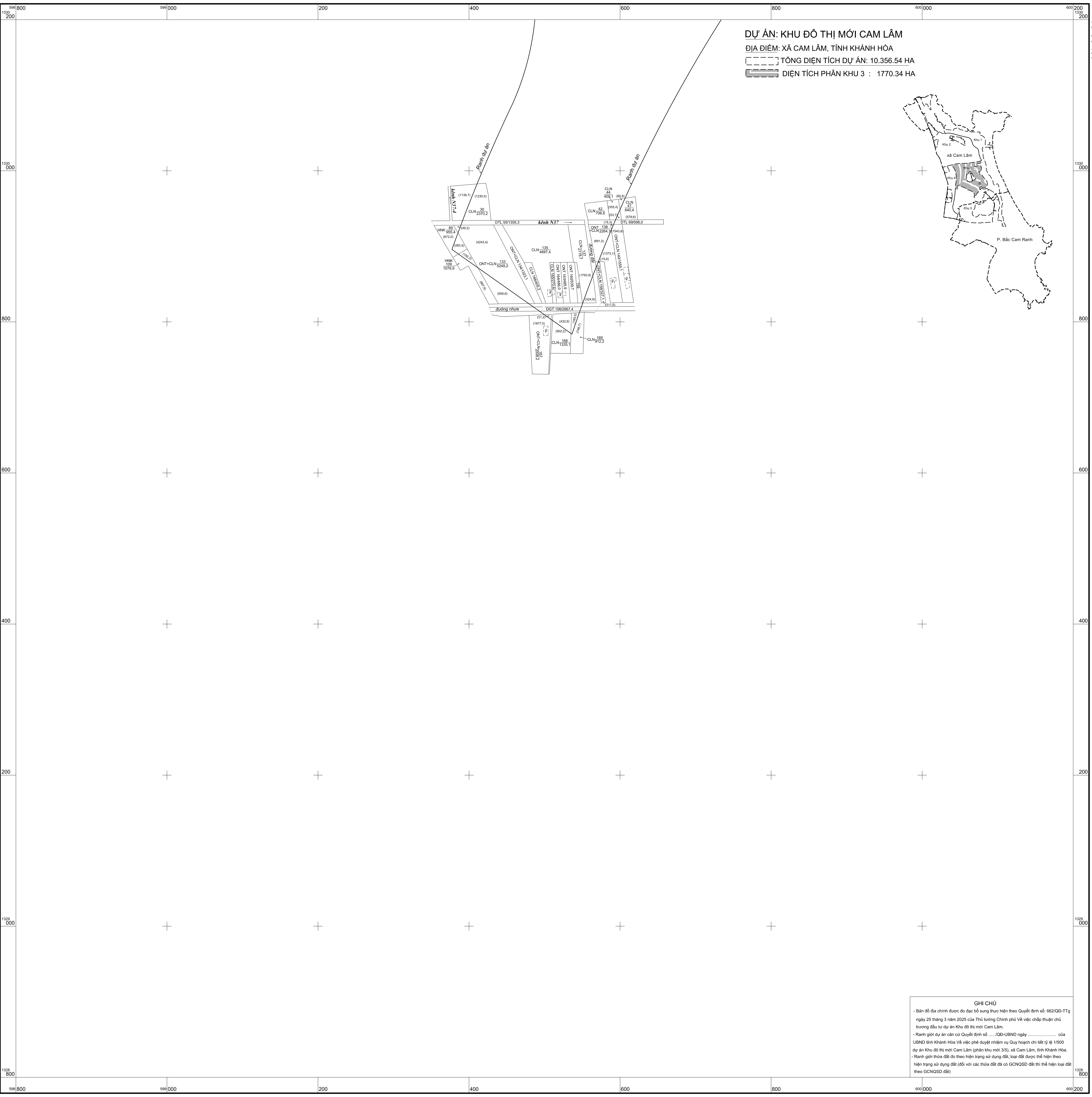

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI CAM LÂM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN: 10.356.54 HA

DIỆN TÍCH PHÂN KHU 3 : 1770.34 HA

GHI CHÚ

- Bản đồ địa chính được đo đạc bổ sung thực hiện theo Quyết định số: 662/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.
- Ranh giới dự án căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị mới Cam Lâm (phân khu mới 3/5), xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Ranh giới thửa đất đo theo hiện trạng sử dụng đất, loại đất được thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất (đối với các thửa đất đã có GCNQSD đất thì thể hiện loại đất theo GCNQSD đất)

Đo vẽ tháng .... năm 2018 Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Dịch vụ Đo đạc và Tin học Long Phúc Kiên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 00668
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/12/2020.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 27/7/2023)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Giám đốc

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên
(Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số: 01450
do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp ngày 09/8/2023.
Bổ sung lĩnh vực hoạt động đo đạc vào ngày 08/8/2024)
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)
Tổng Giám đốc

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Cam Lâm
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 25

Ghi chú các thửa đất nhỏ

Thửa số																																																																							
Diện tích																																																																							
Loại đất																																																																							